

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện
Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh
về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện
kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;
Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi
trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng,
nhiệm vụ năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội năm 2026;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và Trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND các xã, phường;
- HHĐN tỉnh, VCCI CN Thanh Hóa - Ninh Bình;
- Lưu: VT, THĐT. (55.2026)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoài Anh

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh
về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2026**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Năm 2026 là năm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, cũng là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030. Dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ở trong nước, thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Trong tỉnh, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi cơ bản, tỉnh Thanh Hóa vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức về chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế... ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong bối cảnh đó, để phát huy những thành quả đã đạt được, kịp thời khắc phục những hạn chế, yếu kém, vượt qua khó khăn, thách thức, phấn đấu hoàn thành thắng lợi toàn diện mục tiêu kế hoạch năm 2026 đã đề ra, UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường tiếp tục nêu cao tinh thần đoàn kết, thống nhất, tích cực, chủ động, sáng tạo, quyết tâm, quyết liệt triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Nghị quyết của Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; đồng thời, tập trung thực hiện tốt các đề án trong chương trình công tác năm của UBND tỉnh và các nội dung sau:

A. TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH NĂM 2026

1. Tập trung cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng, hoàn thiện hệ thống quy hoạch và thể chế chính sách. Xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 58-NQ/TW, Nghị quyết số 37/2021/QH15 và Kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy nhanh tiến độ rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tỉnh, trình phê duyệt trong Quý II/2026; hoàn thiện các quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch chung 166 xã, phường và các quy hoạch chuyên ngành trong năm 2026. Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền; xây dựng một số cơ chế, chính sách mới có tính đột phá về thu hút đầu tư, phát triển các ngành có lợi thế.

2. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tập trung xây dựng, phát triển 04 trung tâm kinh tế động lực, 03 trụ cột phát triển, tạo sức lan tỏa thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển các ngành, lĩnh vực, khu vực trong cả tỉnh. Tập trung chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trên từng ngành, lĩnh vực, nhằm thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng về đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu; đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế về nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch, gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tạo động lực tăng trưởng; nỗ lực, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2026.

3. Thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, đồng bộ, hiện đại, thông minh; bảo đảm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công các công trình, dự án quan trọng; tập trung triển khai các dự án hạ tầng chuyển đổi số, năng lượng theo quy hoạch. Tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định đầu tư dự án, tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên, đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm.

4. Tập trung phát triển các doanh nghiệp có đủ năng lực thực hiện các dự án quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp; kịp thời khắc phục tình trạng khan hiếm vật liệu xây dựng, triển khai các dự án phát triển cát nhân tạo để bù đắp và giảm khai thác cát tự nhiên; tăng cường quản lý thị trường bất động sản, đảm bảo phát triển lành mạnh, bền vững. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, tạo điều kiện để người có thu nhập thấp có nhà ở an toàn, ổn định cuộc sống.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao các chỉ số đánh giá hiệu quả quản trị điều hành, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; rà soát đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng, thái độ phục vụ, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết khắc phục hiệu quả tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ công chức.

6. Chú trọng phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội theo hướng toàn diện, bền vững trên tinh thần lấy người dân là trung tâm; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trên nền tảng số. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, đầy đủ, kịp thời các chương trình, đề án, chính sách về trợ giúp xã hội, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng. Đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, huy động toàn xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt đời sống vật chất, tinh thần người có công với cách mạng, người nghèo, người yếu thế trong xã hội. Quan tâm bảo tồn, tôn tạo và

phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể; tăng cường công tác quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh.

7. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, nhất là đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Rà soát xử lý dứt điểm tình trạng lãng phí, sử dụng đất sai mục đích; đẩy nhanh việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, thực hiện tốt công tác đấu giá quyền sử dụng đất và quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

8. Nâng cao chất lượng hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp. Rà soát công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức và sắp xếp lại cán bộ cấp xã; nâng cao năng lực thực thi, tính chủ động, tự chủ, kiến tạo phát triển của địa phương. Chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031. Tăng cường phân cấp, phân quyền tối đa cho các địa phương, đơn vị, nâng cao năng lực thực thi, chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đo lường bằng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

9. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ; thực hiện quyết liệt công tác đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, không để tội phạm gia tăng; đảm bảo an toàn giao thông; phòng, chống cháy nổ; thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Đẩy mạnh các hoạt động thanh tra, tiếp công dân; nâng cao hiệu quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh ngay từ cơ sở, không để vụ việc phức tạp, phát sinh thành điểm nóng.

B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. Tập trung xây dựng, ban hành, triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách để cụ thể hóa và đưa nhanh Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX vào cuộc sống

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các đơn vị liên quan

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách đã ban hành theo Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội và Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh.

- Chủ động rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách đã ban hành, báo cáo UBND tỉnh đề xuất với Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp với quy định của Trung ương và tình hình thực tế; đồng thời, xây dựng một số cơ chế, chính sách mới có tính chất đột phá, nhất là

các cơ chế, chính sách liên quan đến thu hút đầu tư, phát triển các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế như: công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, logistics, giáo dục, y tế... để thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh hơn, mạnh mẽ hơn và bền vững hơn trong năm 2026 và thời gian tới.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

Tham mưu cho Ban Chỉ đạo lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 chỉ đạo rà soát, đề xuất trình cấp có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành, lĩnh vực và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; hoàn thành trong Quý II/2026.

3. Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, UBND các xã, phường, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với các đơn vị liên quan, tập trung rà soát, tham mưu bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn, quy hoạch chung cấp xã và các quy hoạch thuộc thẩm quyền của tỉnh trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các quy hoạch còn hiệu lực, còn giá trị; bổ sung những yếu tố mới mang tính đột phá, phù hợp yêu cầu phát triển của tỉnh và từng địa phương trong giai đoạn mới, khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh của từng địa phương; hoàn thành trong năm 2026.

II. Tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng truyền thống và các động lực tăng trưởng mới; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Tiếp tục thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống là đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu; các động lực tăng trưởng mới là khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ

1.1. Về đầu tư: tập trung chỉ đạo, huy động sự vào cuộc của các cấp, các ngành đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh để sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

a) Đối với đầu tư công

- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, các chủ đầu tư, theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

+ Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công; quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng và giải ngân vốn đầu tư của các dự án; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý đấu thầu, phát huy vai trò giám sát, đánh giá đầu tư trong hoạt động quản lý đầu tư. Cập nhật đầy đủ nhu cầu sử dụng đất vào kế hoạch sử dụng đất hằng năm để thực hiện các thủ tục về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, làm cơ sở để triển khai thực hiện dự án.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát hiện trường để đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; kiên quyết xử lý nghiêm các chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, thiếu trách nhiệm làm chậm tiến độ giao

vốn, điều chỉnh vốn, thực hiện dự án; xử lý nghiêm nhà thầu xây lắp, đơn vị tư vấn không thực hiện theo đúng cam kết trong hồ sơ dự thầu, trường hợp cần thiết xem xét chấm dứt hợp đồng, thay thế nhà thầu khác theo quy định.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

+ Tiếp tục rà soát, tham mưu hoàn chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; tham mưu giao sớm kế hoạch vốn năm 2026 cho các chương trình, dự án ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch cho tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công, các nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, đảm bảo phù hợp với nhu cầu, tiến độ thực hiện của dự án. Tham mưu bố trí, sử dụng hợp lý và nâng cao hiệu quả đầu tư công để phát huy vai trò dẫn dắt, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội, tạo động lực cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững, khẳng định vị thế là cực tăng trưởng ở khu vực Bắc Trung bộ và Nam đồng bằng Bắc bộ.

+ Tập trung hướng dẫn, đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư các công trình, dự án lớn, trọng điểm, có tác động lan toả đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư, làm cơ sở triển khai ngay từ đầu kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

b) Đối với đầu tư tư trực tiếp

- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

+ Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hoạt động xúc tiến đầu tư; thu hút vốn đầu tư trực tiếp trong nước và nước ngoài có chọn lọc; ưu tiên vận động thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thân thiện với môi trường; tăng cường hỗ trợ kết nối giữa khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài với khu vực kinh tế trong nước để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý và đào tạo nhân lực.

+ Nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc cung cấp thông tin, hỗ trợ tối đa doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đồng hành, hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư ngoài ngân sách, đặc biệt là các dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, sản xuất kinh doanh, du lịch, dịch vụ đã được chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp phối hợp:

+ Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đồng hành, hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư ngoài ngân sách, các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, sản xuất kinh doanh, du lịch, dịch vụ đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đặc biệt là 40 dự án trọng điểm, quy mô lớn cần tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh

tiến độ thực hiện tại Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 16/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh thứ XX.

+ Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương tham mưu, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện các dự án trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án Điện khí LNG Nghi Sơn; nghiên cứu, xúc tiến triển khai giai đoạn 2 Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

1.2. Về tiêu dùng:

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan: Đẩy mạnh hoạt động kết nối cung cầu và xúc tiến thương mại, duy trì các kênh phân phối hàng hóa truyền thống, mở rộng các kênh phân phối qua nền tảng số, thương mại điện tử; kích cầu tiêu dùng thông qua các chương trình khuyến mãi, hội chợ, lễ hội mua sắm, các hoạt động hưởng ứng Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm thế mạnh của tỉnh.

- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường: Theo dõi sát diễn biến tình hình thế giới, trong nước, tăng cường năng lực phân tích, dự báo, nắm chắc tình hình để phản ứng chính sách kịp thời, linh hoạt, hiệu quả với các vấn đề phát sinh. Phát triển mạnh thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy du lịch, tăng cường xúc tiến thương mại thông qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú, trong đó có tổ chức các hội chợ quy mô lớn về thương mại, công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ...; tăng cường hợp tác, liên kết các chuỗi cung ứng, giữa các hiệp hội, doanh nghiệp, ngành hàng.

1.3. Về xuất khẩu

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu, rộng hơn vào các chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu.

- Tiếp tục nắm bắt thông tin để hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, làm sâu sắc hơn mối quan hệ gắn bó với các đối tác truyền thống, tìm kiếm thị trường mới gắn với nhóm sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu tiêu biểu của tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan: Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu gắn với nâng cao giá trị sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu rộng vào các chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết; hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh, chuyển đổi sản xuất để đáp ứng các tiêu chuẩn mới, tiêu chuẩn

xanh, phát thải các-bon, phát triển bền vững (ESG); cải tiến quy trình, tạo thuận lợi thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa.

c) Đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam Chi nhánh Thanh Hóa - Ninh Bình tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp:

1.4. Về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ:

a) Về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung phát triển toàn diện cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Đổi mới cơ chế đặt hàng nghiên cứu khoa học, đặc biệt là cơ chế tài chính theo hướng khoán đến sản phẩm cuối cùng; khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, thương mại điện tử. Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực để hình thành các mô hình kinh tế mới có giá trị cao, góp phần tăng năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của ngành, doanh nghiệp và sản phẩm.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND xã, phường, theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực để hình thành các mô hình kinh tế mới có giá trị cao, góp phần tăng năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của ngành, doanh nghiệp và sản phẩm. Tập trung đầu tư nguồn lực cho phát triển khoa học công nghệ, coi trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, như: điện tử, chip bán dẫn, tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học...

b) Về kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan: Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông, tập trung vào các công nghệ điện toán đám mây, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo, cùng với xây dựng và hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu lớn để làm nòng cốt thúc đẩy chuyển đổi số, chính quyền số; xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế số, kinh tế chia sẻ, xã hội số, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các ngành, lĩnh vực.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong từng cơ quan, đơn vị, từng ngành, lĩnh vực; khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Về nông, lâm nghiệp, thủy sản

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường

- Tiếp tục cơ cấu lại sản phẩm cây trồng, vật nuôi chủ lực phù hợp với lợi thế của từng vùng và địa bàn các xã, phường theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; triển khai nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, tập trung vào các sản phẩm chủ lực có lợi thế, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm, tạo đầu ra ổn định cho các hộ nông dân; tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại để thúc đẩy kết nối, phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản, thực phẩm; nâng cao thương hiệu sản phẩm OCOP. Tiếp tục huy động đa dạng các nguồn lực để đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.

- Tham mưu xây dựng, phân đấu hoàn thành hệ thống bản đồ nông hóa, thổ nhưỡng toàn tỉnh trong năm 2026.

b) Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan

- Tiếp tục đồng hành cùng doanh nghiệp, hợp tác xã, bà con nông dân trong xây dựng các vùng nông sản chất lượng, an toàn; phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP; đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào nông nghiệp; xây dựng các nhà máy chế biến nông sản hiện đại, chế biến sâu; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, người nông dân đặt tên sản phẩm nông nghiệp gắn với các địa danh nơi sản xuất, địa danh nổi tiếng của tỉnh, làm cơ sở để xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản Thanh Hóa.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường trong việc tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nhất là việc tham mưu cân đối, bố trí, huy động các nguồn vốn để thực hiện.

2.2. Về công nghiệp - xây dựng

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan: Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình sản xuất công nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và tiêu thụ sản phẩm; tạo đột phá để sớm đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước về công nghiệp chế biến, chế tạo. Chỉ đạo Công ty Điện lực Thanh Hóa thực hiện phương án đảm bảo cung ứng đủ điện trong thời gian cao điểm năm 2026 và những năm tiếp theo.

b) Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp, dự án hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhất là các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2026. Hỗ trợ, tạo điều kiện để Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động; xúc tiến nhanh việc triển khai giai đoạn 2 Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

- Tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhất là các dự án trọng điểm, quy mô lớn; kiên quyết chấm dứt hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền chấm dứt các dự án chậm tiến độ theo quy định.

- Tiếp tục thu hút đầu tư và mở rộng sản xuất các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh, như: công nghiệp hóa dầu, hóa chất và chế biến sản phẩm từ hóa dầu, công nghiệp sản xuất, cung ứng điện, công nghiệp cơ khí, điện tử và sản xuất kim loại... Ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp mới nổi, các ngành công nghiệp có hàm lượng phát thải các-bon thấp, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, công nghệ cao; phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động (dệt may, da giày...), khuyến khích thu hút đầu tư các dự án sử dụng nhiều lao động vào khu vực trung du, miền núi.

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

- Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ cao trong các lĩnh vực thiết kế, xây dựng công trình, vật liệu xây dựng; phát triển đô thị và nhà ở theo hướng xanh, thông minh. Tiếp tục đổi mới dây chuyền công nghệ các dự án sản xuất vật liệu xây dựng; tập trung phát triển các loại vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng; khẩn trương thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng khan hiếm vật liệu xây dựng.

- Tăng cường quản lý thị trường bất động sản, đảm bảo phát triển lành mạnh, đúng định hướng. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, xây dựng các cơ chế, chính sách để hỗ trợ, tạo điều kiện để người có thu nhập thấp có nhà ở an toàn, ổn định.

d) Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Đẩy mạnh phát triển tiêu thụ công nghiệp gắn với khôi phục các nghề truyền thống, nhân cấy nghề mới có thị trường tiêu thụ, sản xuất các sản phẩm phục vụ du lịch; thường xuyên nắm bắt, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa ở các khu vực trung tâm các xã và những nơi có điều kiện; từng bước hoàn chỉnh hệ thống đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

2.3. Về dịch vụ:

a) Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tập trung thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng số, công nghệ hiện đại; phát triển nhanh các

sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh của tỉnh, dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn, như: viễn thông, công nghệ thông tin, dịch vụ số, dịch vụ tài chính, thương mại điện tử...

b) Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung tham mưu phát triển đồng bộ, hợp lý và tăng cường kết nối giữa các loại hình vận tải; tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư xây dựng trung tâm logistics cấp vùng hạng I tại Khu kinh tế Nghi Sơn, trung tâm logistics cấp tỉnh theo quy hoạch và trung tâm logistics tại khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng.

c) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan: Thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến thị trường, cung cầu hàng hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của người dân. Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại tại các thị trường chủ lực, truyền thống, trọng điểm; tìm hiểu xu hướng thị hiếu tiêu dùng tại các địa bàn, thị trường mới để điều chỉnh định hướng sản xuất và xuất khẩu hàng hóa. Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển thương mại điện tử gắn với tăng cường quản lý nhà nước. Phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, kho bảo quản, chợ đầu mối tại các khu vực đô thị lớn, trung tâm vùng, miền, Khu kinh tế Nghi Sơn; đẩy mạnh chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ tại khu vực nông thôn.

d) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch đảm bảo đồng bộ, hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quảng bá du lịch; khai thác hiệu quả các sản phẩm du lịch có lợi thế. Tổ chức thực hiện các chương trình kích cầu du lịch; nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch lợi thế của tỉnh.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, tập trung phát triển hạ tầng và nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông; đẩy mạnh chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số.

e) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 7 tiếp tục chỉ đạo, khuyến khích các tổ chức tín dụng mở rộng mạng lưới hoạt động, phát triển dịch vụ tài chính, ngân hàng theo hướng hiện đại, đa dạng hóa các dịch vụ và tiện ích ngân hàng theo chuẩn quốc tế; nâng cao chất lượng tín dụng, ổn định lãi suất tiền gửi, giảm lãi suất cho vay, tập trung cho vay các lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế.

III. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; tập trung thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp; tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước

1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng kiến tạo, phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm phục vụ; tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, lành mạnh, minh bạch, bình đẳng để thu hút đầu tư, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp

a) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan: Xây dựng báo cáo phân tích, đánh giá cụ thể từng chỉ số thành phần của Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) và Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI); trên cơ sở đó, chủ động tham mưu, đề xuất giải pháp cụ thể để duy trì và cải thiện các chỉ số thành phần có xếp hạng tốt, tập trung khắc phục những chỉ số thành phần có xếp hạng thấp.

b) Sở Tài chính:

- Tiếp tục tham mưu rà soát, điều chỉnh, bổ sung và công bố các thông tin về Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đăng ký doanh nghiệp. Xây dựng, công khai danh mục và kế hoạch thu hút các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2026 - 2030; trong đó, tập trung thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Tập trung tham mưu phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị; tăng cường đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan thực hiện Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh, thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 138/NQ-CP và Nghị quyết số 139/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch hành động số 282-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tham mưu rà soát, điều chỉnh, bổ sung và công bố các thông tin về Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp xã, cơ chế, chính sách hỗ trợ giải phóng mặt bằng, quỹ đất chưa sử dụng và các thông tin liên quan.

d) Sở Xây dựng: Tham mưu rà soát, điều chỉnh, bổ sung và công bố các thông tin về Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040, các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và các thông tin liên quan. Rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa.

e) Sở Tư pháp tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

g) Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Tập trung rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ; cắt giảm hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền cắt giảm TTHC, chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp; chỉ đạo khẩn trương tiếp nhận, phân luồng, giải quyết ngay các hồ sơ công việc theo cơ chế ưu tiên “làn xanh”, hỗ trợ tối đa cho người

dân, doanh nghiệp đối với các nhóm hồ sơ, TTHC ưu tiên phân luồng giải quyết trong các lĩnh vực: đầu tư, doanh nghiệp, xây dựng, kinh doanh bất động sản, đất đai, lâm nghiệp, khoáng sản, lao động, việc làm,...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng, thái độ phục vụ trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các cấp trong công tác phục vụ nhà đầu tư; xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, gây phiền hà, sách nhiễu.

- Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút vốn đầu tư trực tiếp trong nước và nước ngoài có chọn lọc; ưu tiên vận động thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thân thiện với môi trường. Tăng cường hỗ trợ kết nối giữa khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài với khu vực kinh tế trong nước để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý và đào tạo nhân lực. Công khai, minh bạch thông tin về quy hoạch, cơ chế, chính sách, thủ tục đầu tư, đấu thầu, đất đai, xây dựng, danh mục dự án kêu gọi đầu tư, quỹ đất sạch..., đảm bảo kịp thời, thuận tiện, dễ tra cứu cho các nhà đầu tư. Nâng cao hiệu quả hoạt động khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng phát triển các hình thức hợp tác, liên kết.

2. Về quản lý thu, chi ngân sách nhà nước

a) Sở Tài chính, Thuế tỉnh Thanh Hóa, Chi cục Hải quan khu vực X, UBND các xã, phường, theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Đẩy mạnh cơ cấu lại thu chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện thu đúng, thu đủ, chống thất thu ngân sách. Tổ chức điều hành chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả, tiết kiệm, cân đối đủ nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ chi năm 2026; triệt để cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết để dành cho chi đầu tư phát triển, và an sinh xã hội và các nội dung, chủ trương quan trọng khác đã được Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ ban hành.

- Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, khu vực, sắc thuế để có phương án chỉ đạo, điều hành hiệu quả, sát thực tế; thường xuyên rà soát, xác định chính xác những nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, sắc thuế còn dư địa để có giải pháp quản lý thu hiệu quả, chống thất thu ngân sách nhà nước.

b) Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, bố trí, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí; thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án có sử dụng đất, tính tiền sử dụng đất các dự án đã được giao đất, cho thuê đất; đẩy mạnh công tác thăm dò, xác định trữ

lượng các mỏ khoáng sản để đầu giá, giao quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách.

IV. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; đẩy mạnh phát triển đô thị

a) Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, UBND các xã phường, theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Tập trung tham mưu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; tập trung bố trí vốn để tiếp tục đầu tư các dự án giao thông lớn, trọng điểm còn dở dang, đang tạm dừng thi công để nhanh chóng đưa vào khai thác, sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí như: Dự án đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỏ Hèn đến Đường tỉnh 514; Dự án đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân đoạn từ Đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân; Dự án đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47; Dự án Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoàng Hóa - Sầm Sơn và Quảng Xương - Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)...

- Thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, đồng bộ, hiện đại, thông minh; bảo đảm tiến độ thực hiện và, giải ngân vốn đầu tư công các công trình, dự án quan trọng; tập trung triển khai các dự án hạ tầng chuyển đổi số, năng lượng theo quy hoạch Tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định đầu tư dự án, tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên, đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên bố trí nguồn lực, chuẩn bị đầu tư các tuyến đường kết nối vùng, liên vùng, kết nối giữa Thanh Hóa với các tỉnh khu vực Tây Bắc và nước CHDCND Lào; tập trung GPMB phục vụ đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao qua địa bàn tỉnh. Đầu tư xây dựng cảng tổng hợp, cảng container, cảng chuyên dùng và nạo vét luồng tàu vào cảng để sớm hoàn chỉnh hệ thống Cảng biển Nghi Sơn và các cảng biển: Lạch Sung, Quảng Châu, Quảng Nham - Hải Châu theo quy hoạch.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu, cơ sở hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các công trình hạ tầng xã hội như: y tế, trường học, thiết chế văn hóa...; đẩy nhanh tiến độ hồ sơ, thủ tục đầu tư và tiến độ triển khai thực hiện các trường nội trú liên cấp tại các xã biên giới đất liền, các công trình thủy lợi, đê kè, hồ đập, hồ chứa thủy lợi, các khu vực sạt lở,... thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai, bão lũ, có rủi ro, nguy cơ mất an toàn.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu, hạ tầng khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn (gồm: hệ thống giao thông, cảng biển, cấp điện, cấp nước, xử lý môi trường, thông tin và truyền thông...); đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang triển khai, sớm đưa khu kinh tế Nghi Sơn trở thành một trong những trung tâm đô thị - công nghiệp và dịch vụ ven biển trọng điểm của cả nước.

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tập trung tham mưu đẩy mạnh phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, bền vững; kết hợp hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết các khu đô thị cũ với phát triển các đô thị mới. Tham mưu rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

V. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế; thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội

1. Về các hoạt động văn hóa, thông tin

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì:

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 04/7/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục xây dựng, phát triển văn hóa và con người Thanh Hóa trong thời kỳ mới. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; tăng cường công tác quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa. Phát triển mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng; tập trung phát triển thể thao thành tích cao.

- Đổi mới, sáng tạo, đa dạng, phong phú về hình thức, nội dung thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, cơ chế, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các sự kiện quan trọng của đất nước và của tỉnh trong năm 2026, đặc biệt là Đại hội lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, chủ động lan tỏa các điển hình tiên tiến, cách làm sáng tạo, gương người tốt, việc tốt.

2. Về giáo dục và đào tạo

a) Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường:

- Tập trung tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh. Tham mưu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là ở khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc và các đối tượng yếu thế; duy trì chất lượng giáo dục mũi nhọn trong nhóm dẫn đầu cả nước.

- Tập trung giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên, đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới các trường, lớp học, phát triển trường học thông minh; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn công tác đào tạo nghề với thị trường lao động, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh để tạo sự đột phá về nguồn lực, động lực và không gian mới cho phát triển giáo dục và đào tạo; thu hút nguồn lực xã hội cho hiện đại hóa toàn diện hệ thống giáo dục trên địa bàn tỉnh; bảo đảm cơ hội học tập công bằng, bình đẳng cho mọi người, đáp

ứng nhu cầu xã hội, thúc đẩy học tập suốt đời của Nhân dân và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Xây dựng: Thường xuyên thực hiện rà soát, kiểm tra việc quy hoạch xây dựng và bảo đảm quỹ đất để xây dựng trường, lớp, nhà công vụ cho giáo viên; triển khai hướng dẫn thiết kế tổng thể và các phương án thiết kế mẫu về trường liên cấp ở các xã biên giới để các địa phương thực hiện, phù hợp với điều kiện từng vùng miền, địa phương.

3. Về y tế

a) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

- Tập trung tham mưu tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh. Triển khai thực hiện linh hoạt, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; tăng cường ứng dụng kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong khám và điều trị bệnh.

- Tăng cường công tác quản lý chuyên môn tại các cơ sở y tế ngoài công lập; kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng; phòng, chống thuốc giả, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Chú trọng công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh dược phẩm, hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh; giám sát chặt chẽ việc xử lý chất thải y tế nguy hại.

b) Sở Y tế, Sở Tài chính, UBND các xã, phường, các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh và các đơn vị liên quan:

- Tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại hóa hệ thống y tế; ưu tiên đầu tư xây dựng, bổ sung trang thiết bị cho các trạm y tế ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ y tế, khuyến khích, tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư của tư nhân, hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án bệnh viện tư nhân hiện đại, quy mô lớn; tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh dược phẩm, hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

4. Về giải quyết việc làm, giảm nghèo, nâng cao đời sống Nhân dân

Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Theo dõi chặt chẽ tình hình việc làm của người lao động trong các doanh nghiệp, nâng cao chất lượng dự báo, kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm. Đẩy mạnh công tác kiểm tra an toàn lao động, nhất là tại các cơ sở sản xuất công nghiệp có dây chuyền máy móc quy mô lớn, phức tạp. Đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN; triển khai đồng bộ các biện pháp khắc phục tình trạng chậm đóng, nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN trong các doanh nghiệp.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện đồng bộ, đầy đủ, kịp thời các chương trình, đề án, chính sách về trợ giúp xã hội, giảm nghèo, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp trong thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em, bình đẳng giới; thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo.

VI. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai

Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan:

1. Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững tài nguyên, khoáng sản; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai; rà soát xử lý dứt điểm các dự án sử dụng đất chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, tình trạng lãng phí, sử dụng đất sai mục đích. Triển khai thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên phạm vi toàn tỉnh. Đẩy mạnh công tác kiểm tra hoạt động khai thác, tập kết, vận chuyển, chế biến khoáng sản, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

2. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, nhất là tại các làng nghề, khu công nghiệp, tại các doanh nghiệp; huy động các nguồn lực đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, các khu du lịch trọng điểm của tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trọng điểm, đảm bảo trong năm 2026 đưa vào hoạt động nhà máy xử lý rác thải tại xã Đông Nam (nay là xã Đông Quang); năm 2027 đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý rác thải tại xã Quảng Minh (nay là phường Nam Sầm Sơn) và khởi công xây dựng Khu xử lý chất thải rắn tại xã Xuân Phú (nay là xã Sao Vàng).

3. Tập trung đầu tư, nâng cấp, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Thực hiện có hiệu quả kế hoạch hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững.

VII. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

1. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

a) Tham mưu triển khai thực hiện sáng tạo, hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tiếp tục làm sâu sắc hơn mối quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài.

b) Phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị, địa phương trong tỉnh kết hợp chặt chẽ giữa công tác đối ngoại với xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; đẩy mạnh quảng bá về thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, truyền thống văn

hóa, lịch sử, tiềm năng, cơ hội đầu tư vào tỉnh đến bạn bè trong nước, quốc tế và kiều bào Thanh Hóa ở nước ngoài để nâng cao vị thế, thu hút đầu tư, phát triển du lịch.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường hợp tác với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện, phát huy được lợi thế so sánh để mở rộng liên kết, hợp tác.

VIII. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp

1. Sở Nội vụ, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan: Tiếp tục tham mưu đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; chuẩn bị tốt nguồn nhân sự và các điều kiện để tổ chức thành công Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Tham mưu điều động, bố trí, sắp xếp, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, bảo đảm về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế, quy định về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền.

2. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường:

- Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; nâng cao năng lực thực thi, tính chủ động, tự chủ, kiến tạo phát triển của địa phương trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

- Chủ động phối hợp, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, khắc phục những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo trong các quy định liên quan đến hoạt động của bộ máy mới, nhất là về nhân lực, cơ sở vật chất, quy hoạch, chuyển đổi số, hệ thống cơ sở dữ liệu; tăng cường phân cấp, phân quyền tối đa cho các địa phương, đơn vị, nâng cao năng lực thực thi, chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đo lường bằng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

IX. Tiếp tục củng cố quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội

1. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng, phòng thủ dân sự; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc vùng trời, vùng biển, biên giới và các hoạt động kinh tế biển; sẵn sàng tham gia ứng phó hiệu quả với các tình huống an ninh phi truyền thống trên địa bàn; đầu tư các công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ tỉnh, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan: Tăng cường bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, kịp thời giải quyết triệt để các vụ việc phức tạp, không để hình thành “điểm nóng”. Chủ động đấu tranh, điều tra, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm công nghệ cao, tội phạm can dự vào các hoạt động kinh tế, tín dụng đen; kiểm chế, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Đề án xã, phường không có ma túy. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống cháy nổ; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường: Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư, khiếu nại, tố cáo; giải quyết kịp thời, triệt để các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài; triển khai đồng bộ, có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng bảo đảm đúng pháp luật.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường:

- Căn cứ kế hoạch này, tổ chức quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên và khẩn trương ban hành kế hoạch của ngành, địa phương, đơn vị mình trước ngày 25/01/2026 để triển khai thực hiện.

- Trong quá trình triển khai thực hiện phải có cách làm đổi mới, sáng tạo, mang lại hiệu quả và hiệu ứng xã hội lớn hơn; tập trung triển khai toàn diện, đồng bộ các nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, công tác đối ngoại, nhưng phải có trọng tâm và trên từng lĩnh vực phải có trọng điểm để tập trung tổ chức thực hiện, tạo chuyển biến thực sự rõ nét trên các lĩnh vực.

Giao các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường khẩn trương xem xét, lựa chọn một số việc trọng tâm, trọng điểm của ngành, địa phương, đơn vị mình trong năm 2026 để tập trung chỉ đạo thực hiện, trong đó cần xác định rõ: (1) Nội dung công việc trọng tâm, trọng điểm; (2) Phân công lãnh đạo sở, ngành, địa phương, đơn vị trực tiếp chỉ đạo; (3) Phân công đơn vị chủ trì thực hiện và đơn vị phối hợp; (4) Dự kiến thời gian hoàn thành; (5) Dự kiến kết quả đạt được...; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 25/01/2026.

- Đối với các chỉ tiêu chủ yếu do ngành, địa phương, đơn vị mình được giao nhiệm vụ chủ trì, phải tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, xây dựng kế hoạch chi tiết, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và phân công cụ thể cho từng tập thể, cá nhân liên quan thực hiện, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu đề ra.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm theo dõi, định kỳ báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu vào ngày 15 của tháng cuối quý và gửi về Sở Tài chính để tổng hợp vào báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh.

3. Các ngành, địa phương, đơn vị chủ động triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thuộc ngành, địa phương, đơn vị mình; nắm chắc tình hình, kịp thời tham mưu đề xuất, triển khai thực hiện các giải pháp, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đã được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã quyết nghị. Người đứng đầu và tập thể lãnh đạo các ngành, địa phương, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện chỉ tiêu được giao.

4. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, các cơ quan thông tấn, báo chí, các ngành, địa phương, đơn vị để tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi kế hoạch hành động này.

5. Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt các công việc được giao, đảm bảo chất lượng và hoàn thành đúng thời gian quy định; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện và kiến nghị với Chủ tịch UBND tỉnh xử lý trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị không thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh./.

Phụ lục 1:
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2026 CỦA TỈNH THANH HÓA
*(Kèm theo Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
 Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Đơn vị chủ trì tham mưu	Ghi chú
I	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%	11	- Chủ tịch chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch Lê Quang Hùng chỉ đạo chuẩn bị nội dung.	Sở Tài chính	Chi tiết theo Phụ lục 3 và Biểu số 1, 2, 3
	Trong đó:					
-	<i>Nông, lâm nghiệp, thủy sản</i>	%	3,5			
-	<i>Công nghiệp - Xây dựng</i>	%	14			
-	<i>Dịch vụ</i>	%	9			
-	<i>Thuế sản phẩm</i>	%	10,7			
2	GRDP bình quân đầu người	USD	3.920	- Chủ tịch chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch Lê Quang Hùng chỉ đạo chuẩn bị nội dung.	Sở Tài chính	
3	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	71,5	- Chủ tịch chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch Lê Quang Hùng chỉ đạo chuẩn bị nội dung.	Sở Tài chính	Chi tiết theo Biểu số 5
4	Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP	%	100	- Chủ tịch chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch Lê Quang Hùng chỉ đạo chuẩn bị nội dung.	Sở Tài chính	
-	<i>Nông, lâm nghiệp, thủy sản</i>	%	12,2			
-	<i>Công nghiệp - Xây dựng</i>	%	50,7			
-	<i>Dịch vụ</i>	%	31,5			

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Đơn vị chủ trì tham mưu	Ghi chú
-	<i>Thuế sản phẩm</i>	%	5,6			
5	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	22	- Chủ tịch chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch Cao Văn Cường chỉ đạo chuẩn bị nội dung.	Sở Khoa học và Công nghệ	
6	Tỉ trọng giá trị tăng thêm công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	29,8	- Chủ tịch chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch TT Mai Xuân Liêm chỉ đạo chuẩn bị nội dung.	Sở Công Thương	
7	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỉ đồng	168.000	- Chủ tịch chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch Lê Quang Hùng chỉ đạo chuẩn bị nội dung.	Sở Tài chính	
8	Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)	lần	5,5	- Chủ tịch chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch Lê Quang Hùng chỉ đạo chuẩn bị nội dung.	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính	
9	Tốc độ tăng thu ngân sách	%	7	- Chủ tịch chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch Lê Quang Hùng chỉ đạo chuẩn bị nội dung.	Sở Tài chính	Chi tiết theo Biểu số 4
10	Tổng giá trị xuất khẩu	Tỉ USD	8,5	Phó Chủ tịch Thường trực Mai Xuân Liêm	Sở Công Thương	Chi tiết theo Biểu số 3
11	Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	3.000	Phó Chủ tịch Lê Quang Hùng	Sở Tài chính	Chi tiết theo Biểu số 5
12	Tỉ lệ đô thị hóa	%	42	Phó Chủ tịch Thường trực Mai Xuân Liêm	Sở Xây dựng	Chi tiết theo Biểu số 8
13	Sản lượng lương thực	Triệu tấn	1,5	Phó Chủ tịch Cao Văn Cường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi tiết theo Biểu số 6
14	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao	Ha	10.000	Phó Chủ tịch Cao Văn Cường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi tiết theo Biểu số 6

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Đơn vị chủ trì tham mưu	Ghi chú
	<i>Trong đó: diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao</i>	Ha	2.000		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi tiết theo Biểu số 6
15	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	10	- Chủ tịch chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch Lê Quang Hùng chỉ đạo chuẩn bị nội dung.	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính	
16	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào GRDP	%	49,5	- Chủ tịch chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch Lê Quang Hùng chỉ đạo chuẩn bị nội dung.	Thống kê tỉnh, Sở Tài chính	
17	Số căn hộ nhà ở xã hội được hoàn thành	Căn hộ	900	Phó Chủ tịch Thường trực Mai Xuân Liêm	Sở Xây dựng	Năm 2026, dự kiến có 02 dự án hoàn thành, đi vào hoạt động, gồm: - Dự án nhà ở xã hội thuộc dự án số 1 của Tập đoàn Vingroup hoàn thành 352 căn hộ. - Dự án nhà ở xã hội thuộc khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc, phường Hàm Rồng hoàn thành 548 căn hộ.
18	Xây dựng nông thôn mới			Phó Chủ tịch Cao Văn Cường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi tiết theo Biểu số 6
-	<i>Xã đạt chuẩn nông thôn mới</i>	<i>Xã</i>	3			
-	<i>Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	<i>Xã</i>	6			
-	<i>Xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại</i>	<i>Xã</i>	2			
II	VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI					
19	Tỉ lệ giảm hộ nghèo theo tiêu chí mới	%	1	Phó Chủ tịch Cao Văn Cường	Sở Nông nghiệp	Chi tiết theo Biểu số 6

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Đơn vị chủ trì tham mưu	Ghi chú
					và Môi trường	
20	Tỉ lệ lao động qua đào tạo	%	76	Phó Chủ tịch Đầu Thanh Tùng	Sở Nội vụ	
	<i>Trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	31			
21	Tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm còn	%	27,5	Phó Chủ tịch Đầu Thanh Tùng	Sở Nội vụ	Chi tiết theo Biểu số 10
22	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030	%	95	Phó Chủ tịch Đầu Thanh Tùng	Sở Y tế	Chi tiết theo Biểu số 11
23	Số bác sỹ/1 vạn dân	Người	13,5	Phó Chủ tịch Đầu Thanh Tùng	Sở Y tế	Năm 2026, ngành y tế sẽ thu hút thêm 100 bác sỹ; trong đó: - 30 bệnh viện cấp cơ bản (bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh và bệnh viện đa khoa huyện cũ) tuyển 80 Bác sỹ. - Bệnh viện cấp chuyên sâu (Bệnh viện Đa khoa tỉnh) tuyển 20 Bác sỹ.
24	Tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	87,2	Phó Chủ tịch Đầu Thanh Tùng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Chi tiết theo Biểu số 9
25	Tỉ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao	%	12	Phó Chủ tịch Đầu Thanh Tùng	Sở Y tế	Chi tiết theo Biểu số 12
III	VỀ MÔI TRƯỜNG					
26	Tỉ lệ che phủ rừng	%	54,1	Phó Chủ tịch Cao Văn Cường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi tiết theo Biểu số 6
27	Tỉ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2030	%	98,7	Phó Chủ tịch Cao Văn Cường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi tiết theo Biểu số 6

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Đơn vị chủ trì tham mưu	Ghi chú
	<i>Trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế</i>	%	67			Chi tiết theo Biểu số 6
28	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2030	%	93,7	Phó Chủ tịch Cao Văn Cường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi tiết theo Biểu số 6
IV	VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH					
29	Tỉ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	80	Phó Chủ tịch Thường trực Mai Xuân Liêm	Công an tỉnh	
	<i>Trong đó: Tỉ lệ xã, phường không ma túy</i>	%	30			Chi tiết theo Biểu số 13
30	Tỉ lệ xã, phường có lực lượng dân quân thường trực	%	100	Phó Chủ tịch Thường trực Mai Xuân Liêm	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	

Phụ lục 2:
CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,
ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2026 CỦA TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
I	Về đầu tư công				
1	Nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch, đảm bảo phù hợp với năng lực và khả năng thực hiện của từng chủ đầu tư dự án; chủ động hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục các dự án khởi công mới và phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện từng dự án, có kế hoạch và giải pháp cụ thể tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án hạ tầng quy mô lớn, đặc biệt là trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, bảo đảm nguồn cung và kiểm soát giá nguyên vật liệu, chỉ tiêu sử dụng đất; nâng cao chất lượng công tác thiết kế, đấu thầu, lựa chọn đơn vị thi công đủ năng lực, điều kiện và trách nhiệm thực hiện dự án, thường xuyên đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường. - Các chủ đầu tư	Các đơn vị liên quan	- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách.	Thực hiện thường xuyên
2	Tham mưu dự thảo chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công năm 2026; trong đó quy định cụ thể thời gian hoàn thành việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công, mốc thời gian, tỷ lệ giải ngân của từng loại chương trình, dự án cụ thể, thời gian hoàn thành việc chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới, xác định rõ trách nhiệm đối với từng chủ đầu tư, cá nhân, đơn vị có liên quan; quy định về điều chuyển kế hoạch vốn của các dự án, kiên quyết đề xuất chuyển chủ đầu tư,	Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường - Các chủ đầu tư	Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung.	Trước ngày 25/01/2026

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
	loại bỏ các dự án và điều chuyển kế hoạch vốn của các dự án chậm tiến độ kéo dài, không có khả năng thực hiện theo tiến độ quy định; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.				
3	Tham mưu thành lập các Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2026 do các đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Tổ trưởng; thành viên là lãnh đạo một số sở, ngành liên quan; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.	Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường - Các chủ đầu tư	Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung.	Trước ngày 20/01/2026
4	Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị chuẩn bị đầu tư các công trình, dự án lớn, trọng điểm, có tác động lan toả đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, làm cơ sở triển khai ngay từ đầu kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, - Các chủ đầu tư	Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung.	Thực hiện thường xuyên
5	Rà soát, đánh giá các dự án đầu tư công dở dang, trên cơ sở đó tham mưu tiếp tục bố trí vốn để đầu tư hoàn thành đối với những dự án thực sự cần thiết, tránh lãng phí; ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA, vốn xây dựng các khu tái định cư, các dự án chuyển tiếp để rút ngắn thời gian đầu tư, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả.	Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường - Các chủ đầu tư	Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung.	Thực hiện thường xuyên
II	Về đầu tư trực tiếp				
6	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quy mô lớn, trọng điểm; rà soát, kiên quyết thu hồi các dự án đầu tư trực tiếp chậm tiến độ, gây lãng phí, vi phạm các quy định của pháp luật. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tháo gỡ, xử lý, giải quyết kịp thời, dứt điểm các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường.	- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách	- Các đơn vị gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 15 hằng tháng. - Sở Tài chính tham mưu dự thảo báo cáo của Ban

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
	05/9/2025 của UBND tỉnh, bảo đảm nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền”, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cấp, từng ngành, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, không để phát sinh thêm dự án tồn đọng, kéo dài mới; tăng cường kiểm tra, giám sát và kịp thời cập nhật dữ liệu trên Hệ thống 751 để được hướng dẫn xử lý, giải quyết theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.				Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh trước ngày 20 hằng tháng.
7	Thường xuyên theo dõi, rà soát tình hình thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp ngoài Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa được Nhà nước giao đất, cho thuê đất; trên cơ sở đó, xác định rõ các khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, đề xuất biện pháp tháo gỡ, giải quyết dứt điểm; kiên quyết đề xuất cấp có thẩm quyền thu hồi các dự án chậm tiến độ, gây lãng phí, vi phạm các quy định của pháp luật.	Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường - Các chủ đầu tư	- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách	Báo cáo kết quả định kỳ trước ngày 25 tháng cuối quý
8	Tập trung rà soát tất cả các dự án đầu tư trực tiếp trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhưng chưa được Nhà nước giao đất, cho thuê đất; trên cơ sở đó, xác định rõ các khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, đề xuất biện pháp tháo gỡ cho doanh nghiệp.	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường - Các chủ đầu tư	- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách	Báo cáo kết quả định kỳ trước ngày 25 tháng cuối quý
9	Thường xuyên rà soát các dự án đầu tư trực tiếp trên địa bàn tỉnh đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất; trên cơ sở đó, xác định rõ các khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân chậm tiến độ thực hiện của các dự án và đề xuất biện pháp tháo gỡ cho doanh nghiệp; kiên quyết đề xuất cấp có thẩm quyền thu hồi các dự án chậm tiến độ, gây lãng phí, vi phạm các quy	Sở Tài chính, Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN, Sở Nông nghiệp và Môi	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường - Các chủ đầu tư	- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách	Báo cáo kết quả định kỳ trước ngày 25 tháng cuối quý

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
	định của pháp luật; báo cáo danh mục các dự án chậm tiến độ thực hiện thực hiện với Chủ tịch UBND tỉnh. Đối với các dự án đã chậm tiến độ sử dụng đất quá 24 tháng, phải phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định.	trường			
10	Xây dựng danh mục và kế hoạch thu hút các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2026 - 2030, trong đó, tập trung thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn kinh tế chiến lược đến đầu tư tại tỉnh; báo cáo UBND tỉnh.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường	- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách	Trong tháng 02/2026
III	Về đẩy mạnh tiêu dùng				
11	Tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước về giá, đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý, gây mất ổn định thị trường, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của doanh nghiệp và Nhân dân; bảo vệ người tiêu dùng, khuyến khích tiêu dùng xanh, tiêu dùng có trách nhiệm, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường	Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Mai Xuân Liêm chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên
12	Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện đồng bộ các giải pháp để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ cho tiêu dùng, phục hồi và mở rộng sản xuất kinh doanh.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 7	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Quang Hùng chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên
13	Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi sản xuất để đáp ứng các tiêu chuẩn mới, tiêu chuẩn xanh của nước đối tác xuất khẩu, tạo thuận lợi thực hiện thủ tục	Sở Công Thương	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường - Hiệp hội Doanh	Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Mai Xuân Liêm chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
	thông quan hàng hóa. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phòng vệ thương mại tới cộng đồng doanh nghiệp để có cách tiếp cận và xử lý tình huống phù hợp. Tham mưu đẩy mạnh các hoạt động đàm phán song phương, đa phương với các thị trường, khu vực thị trường trọng điểm, nhiều tiềm năng. Tăng cường các hoạt động xúc tiến xuất khẩu theo hướng chú trọng mở rộng thị trường ở các nước đang phát triển, các thị trường tiềm năng và thị trường mới nổi. Đồng thời, phát triển xuất khẩu theo chiều sâu tới các thị trường truyền thống, như Mỹ, EU, Trung Quốc, các nước Đông Á, ASEAN...		ngành tỉnh - Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam Chi nhánh Thanh Hóa - Ninh Bình		
14	Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm xuất khẩu trên cơ sở chiến lược kinh doanh phù hợp, đổi mới phương thức kinh doanh, tăng cường tiềm lực của doanh nghiệp và phát triển các liên kết trong và ngoài nước; tích cực và chủ động tham gia quá trình phân công lao động quốc tế, tham gia mạng sản xuất, mạng phân phối khu vực và quốc tế, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số và kinh doanh trên nền tảng công nghệ số của doanh nghiệp. Phát triển đa dạng cả phương thức xuất khẩu chính ngạch truyền thống và phương thức xuất khẩu hiện đại. Đẩy mạnh áp dụng thương mại điện tử xuyên biên giới và tham gia các sàn thương mại điện tử thế giới. Đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các sản phẩm chế biến sâu, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô, sản phẩm sơ chế; tiếp tục củng cố, nâng cao thị phần các thị trường truyền thống, tìm kiếm thêm các thị trường xuất khẩu mới; hỗ trợ, tạo thuận lợi để doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử, liên kết với các doanh nghiệp quốc tế để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.	- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh - Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam Chi nhánh Thanh Hóa - Ninh Bình	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường - Các hội, hiệp hội ngành hàng trên địa bàn tỉnh	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Quang Hùng chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
IV	Về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
15	Nghiên cứu, tham mưu đề xuất thành lập Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa; rà soát, tham mưu sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung	Quý II/2026
16	Rà soát, đánh giá lại mức độ đạt chuẩn nông thôn mới đối với các xã mới thành lập; tham mưu thực hiện lồng ghép các nguồn vốn, huy động các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới hiện đại gắn với đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế nông thôn xanh, tuần hoàn, sinh thái gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, phát huy vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng và các thành phần kinh tế; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung	Quý I/2026
17	Tham mưu xây dựng, phát triển Trung tâm nghiên cứu, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Hồng Đức và Trung tâm đào tạo và nghiên cứu tại Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, làm nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của khu vực.	- Trường Đại học Hồng Đức - Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung.	Quý II/2026
V	Về phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ				
18	Tiếp tục tập trung tham mưu, triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên, báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Bộ Tài chính
19	Tạo môi trường thuận lợi, thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới, nhất là khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh,	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã,	Các đơn vị liên quan	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
	thương mại điện tử, liên kết vùng để nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng tăng trưởng; nghiên cứu xây dựng một số mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ để tổng kết rút kinh nghiệm, từng bước nhân ra diện rộng.	phường			
VI	Về nông, lâm nghiệp, thủy sản				
20	Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; chuyển đổi các diện tích cây trồng kém hiệu quả sang cây trồng có giá trị kinh tế cao; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất, sản lượng và chất lượng nông sản. Theo dõi chặt chẽ tình hình cung cầu, giá các loại vật tư nông nghiệp thiết yếu và các mặt hàng nông sản, chủ động có biện pháp xử lý kịp thời.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND các xã, phường	Các đơn vị liên quan	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên
21	Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn môi trường. Quản lý chặt chẽ các dự án chăn nuôi lợn hiện có, yêu cầu khắc phục triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; chỉ chấp thuận các dự án mới trong chăn nuôi lợn khi đáp ứng yêu cầu về môi trường và gắn với chế biến sâu. Chú trọng phát triển các mô hình chăn nuôi con đặc sản, chăn nuôi nông hộ theo hướng hữu cơ, hiệu quả, an toàn, bền vững, nhất là ở khu vực miền núi.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND các xã, phường	Các đơn vị liên quan	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên
22	Phát triển lâm nghiệp gắn với nâng cao giá trị kinh tế rừng sản xuất kết hợp với phát triển du lịch và kinh doanh tín chỉ các-bon rừng; quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng, phát triển cây dược liệu, cây dưới tán rừng. Tăng cường chế biến sâu các sản phẩm lâm nghiệp; ban hành cơ chế, chính sách để khuyến khích nhà đầu tư tham gia xây dựng vùng nguyên liệu tre, luồng ở khu vực miền núi; xây dựng, nâng cao giá trị thương hiệu sản phẩm “tre, luồng xứ	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND các xã, phường	Các đơn vị liên quan	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
	Thanh” và “quê Thanh”.				
23	Phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững; tăng cường công tác quản lý sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, áp dụng nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP; đẩy mạnh khai thác xa bờ gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND các xã, phường	Các đơn vị liên quan	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên
24	Tiến hành rà soát, đánh giá lại mức độ đạt chuẩn NTM đối với các xã mới thành lập. Tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn, huy động các nguồn lực để tập trung thực hiện xây dựng NTM đối với khu vực miền núi; đẩy mạnh xây dựng NTM nâng cao, NTM hiện đại đối với khu vực đồng bằng và trung du; xây dựng thôn, bản NTM ở những nơi đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, chuẩn bị đầy đủ phương án, phương tiện, cơ sở vật chất để ứng phó khi có sự cố xảy ra.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND các xã, phường	Các đơn vị liên quan	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên
25	Đổi mới mô hình, phương thức quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các nông, lâm trường. Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp và khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế hợp tác để tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Đổi mới tư duy, hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP theo hướng thực chất, hiệu quả, có chất lượng ổn định, khối lượng hàng hóa lớn, có uy tín, thương hiệu mạnh để vươn tới các thị trường lớn trong nước và quốc tế.	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND các xã, phường	Các đơn vị liên quan	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên
26	Tăng cường công tác vận động, xúc tiến đầu tư, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm nông nghiệp, tạo đầu ra ổn định cho các hộ nông dân; vận hành có hiệu quả phần mềm kết nối cung - cầu nông sản, thực phẩm an toàn tỉnh Thanh Hóa; hỗ	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - UBND các xã, phường	Các đơn vị liên quan	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung	Thực hiện thường xuyên

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
	trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia sàn thương mại điện tử để quảng bá sản phẩm.				
27	Tham mưu xây dựng, phấn đấu hoàn thành hệ thống bản đồ nông hóa, thổ nhưỡng toàn tỉnh trong năm 2026; báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo chung	Báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 25 tháng cuối quý
VII	Về dịch vụ				
28	Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án du lịch đang triển khai, như: Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên; Khu phức hợp khách sạn, trung tâm thương mại tại xã Quảng Nham; Khu du lịch Hoằng Phú, huyện Hoằng Hóa; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dưỡng lão, giải trí tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; Công viên chuyên đề tại Sầm Sơn, Khu di tích lịch sử, danh thắng Am Tiên, Khu du lịch sinh thái Tân Dân... Thu hút các dự án du lịch có quy mô lớn, dịch vụ mới, hấp dẫn, đưa Thanh Hóa trở thành một trong các trung tâm lớn về du lịch của cả nước.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Sở Tài chính - Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường có liên quan	- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng phối hợp chỉ đạo. - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh phối hợp chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách.	Báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 25 tháng cuối quý
	Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính				
29	Tiếp tục tham mưu, triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch của năm 2026; tham mưu cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, phát triển.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường có liên quan	- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Quang Hùng chỉ đạo trực tiếp	Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ theo yêu cầu
30	Tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tham mưu rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND	- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch UBND	Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ theo yêu cầu

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
	mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tăng cường thanh tra công vụ, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ.		các xã, phường có liên quan	tỉnh Lê Quang Hùng chỉ đạo trực tiếp	
31	Chủ động đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật; ban hành theo thẩm quyền hoặc tập trung tham mưu sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển, nhất là trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, xây dựng, tài nguyên,... Thực hiện tốt nội dung phân cấp đối với UBND cấp xã và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trong giải quyết các công việc liên quan đến doanh nghiệp.	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường	Các đơn vị liên quan	- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách	Thực hiện thường xuyên
32	Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; tạo thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển, như vốn, đất đai, công nghệ.	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường	- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; VCCI Thanh Hóa - Các đơn vị liên quan	- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách	Thực hiện thường xuyên
VII I	Về quản lý thu ngân sách nhà nước				
33	Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, nuôi dưỡng nguồn thu, nâng cao tính bền vững của thu NSNN trên địa bàn, đặc biệt là thu từ khu vực kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị; tiếp tục phấn đấu tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu hàng năm để thực hiện có hiệu quả chính sách đặc thù đã được Quốc hội ban hành.	Sở Tài chính, Thuế tỉnh Thanh Hóa, Chi cục Hải quan khu vực X	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường - Các đơn vị liên quan	- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Quang Hùng chỉ đạo trực tiếp	Thực hiện thường xuyên
IX	Về đẩy mạnh phát triển đô thị				
34	Tham mưu rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, báo cáo UBND tỉnh.	Sở Xây dựng	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND	Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Mai Xuân Liêm chỉ đạo	Báo cáo trước ngày 05/5/2026

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
			các xã, phường	trực tiếp	
X	Nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục, đào tạo				
35	Tham mưu triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035. Huy động các nguồn lực hoàn thành mục tiêu giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở vào năm 2030 và phổ cập trung học phổ thông và tương đương vào năm 2035; chính sách cho học sinh các trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường - Các cơ sở giáo dục, đào tạo	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đào Thanh Tùng chỉ đạo trực tiếp	Thực hiện thường xuyên
36	Thường xuyên rà soát các cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời phát hiện các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách cản trở sự phát triển giáo dục và đào tạo; báo cáo hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định pháp luật, cụ thể hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách, ban hành các chính sách đặc thù, vượt trội thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kiến tạo phát triển giáo dục và đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường - Các cơ sở giáo dục, đào tạo	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đào Thanh Tùng chỉ đạo trực tiếp	Thực hiện thường xuyên
37	Thực hiện hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền phân cấp, phân quyền cho địa phương, cho các cơ sở giáo dục gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm và phù hợp với thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức của đội ngũ công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục và đào tạo về đổi mới tư duy quản trị và phương thức hành động, chuyển từ quản lý hành chính sang quản lý, quản trị hiện đại dựa trên chuẩn mực, chất lượng kết quả thực hiện.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường - Các cơ sở giáo dục, đào tạo	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đào Thanh Tùng chỉ đạo trực tiếp	Thực hiện thường xuyên
38	Thường xuyên đôn đốc tiến độ thực hiện 06 dự án trường nội trú liên cấp TH&THCS cho các xã biên giới trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	- Sở Giáo dục và Đào tạo.	Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Mai	Báo cáo UBND tỉnh tình hình

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
	Thanh Hóa thực hiện trong năm 2025 (các xã: Tam Thanh, Tam Lư, Na Mèo, Sơn Thủy, Yên Khương, Bát Mọt); yêu cầu các Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện từng dự án, trong đó xác định rõ nội dung công việc, trách nhiệm của từng đơn vị và thời hạn hoàn thành từng hạng mục; tập trung tối đa nguồn lực, bảo đảm hoàn thành toàn bộ dự án và đưa vào sử dụng trước ngày 15/8/2026.		- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh. - UBND các Xã: Tam Thanh, Tam Lư, Na Mèo, Sơn Thủy, Yên Khương, Bát Mọt	Xuân Liêm chỉ đạo trực tiếp.	thực hiện trước ngày 25 hàng tháng
39	- Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, các hình thức đào tạo, các hệ đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng của xã hội và giảm thiểu thất nghiệp sau đào tạo, trong đó tập trung vào các ngành, lĩnh vực là trụ cột phát triển của tỉnh và phục vụ cho các mô hình kinh tế mới. - Chủ động hợp tác, liên kết với các cơ sở giáo dục có uy tín trong khu vực và quốc tế trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ nhất là lĩnh vực về trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, năng lượng tái tạo, công nghệ bán dẫn, những nghề đang có nhu cầu hội nhập sâu rộng; ưu tiên hợp tác, liên kết đào tạo theo mô hình giáo dục số, xuyên biên giới. - Triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương không tổ chức hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục công lập (trừ các trường công lập có thoả thuận quốc tế); thực hiện bí thư cấp ủy kiêm người đứng đầu cơ sở giáo dục.	Các cơ sở giáo dục và đào tạo, viện nghiên cứu trên địa bàn tỉnh	- Sở Giáo dục và Đào tạo - Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng chỉ đạo trực tiếp	Thực hiện thường xuyên
XI	Về y tế				
40	Tăng cường chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật từ bệnh viện tuyến trên cho tuyến dưới; thúc đẩy liên kết giữa bệnh viện, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp nhằm phát triển y	Sở Y tế	- Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh - Các đơn vị liên	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng chỉ đạo trực tiếp	Thực hiện thường xuyên

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
	học công nghệ cao, chuyên sâu. Thực hiện hiệu quả Đề án chuyển giao, ứng dụng kỹ thuật cao, kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2030, 100% cơ sở khám chữa bệnh thực hiện được các kỹ thuật theo danh mục phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế.		quan		
41	Đổi mới toàn diện phong cách, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, phục vụ người bệnh gắn liền với nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế; vận dụng linh hoạt, sáng tạo cơ chế, chính sách để thu hút nguồn nhân lực y tế trình độ cao vào làm việc trên địa bàn tỉnh.	Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh	- Sở Y tế - Các đơn vị liên quan	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đào Thanh Tùng chỉ đạo trực tiếp	Thực hiện thường xuyên
XII	Về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai				
42	Chú trọng tham mưu triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các biện pháp dự báo và phòng, chống thiên tai; chủ động rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện các phương án, kịch bản phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn đối với từng xã, phường, khu vực dân cư, đặc biệt là những khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi thiên tai để sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn, kịp thời khắc phục sự cố, hậu quả thiên tai khi có tình huống xảy ra theo phương châm “4 tại chỗ” và nguyên tắc “phòng ngừa, chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, tai nạn, sự cố gây ra, giữ vững thành quả phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh - UBND các xã, phường	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Văn Cường chỉ đạo trực tiếp	Thực hiện thường xuyên
XII I	Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức				
43	Tham mưu xây dựng và áp dụng Chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức; xây dựng, triển khai hiệu quả cơ chế thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đối với	Sở Nội vụ	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường	- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo chung. - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Quang Hùng	Tháng 02 năm 2026

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo	Thời gian hoàn thành
	người có tài năng; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết khắc phục hiệu quả tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ công chức; nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị.		- Các đơn vị liên quan	chỉ đạo trực tiếp	

Phụ lục 3:

ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐẠT MỤC TIÊU TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) NĂM 2026 ĐẠT 11% TRỞ LÊN

(Kèm theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)

I. CƠ SỞ TĂNG TRƯỞNG GRDP NĂM 2026 CỦA TỈNH ĐẠT 11% TRỞ LÊN

Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 06/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 696/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh đã đề ra mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 của tỉnh đạt 11% trở lên, trong đó: nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,5% trở lên; công nghiệp - xây dựng tăng 14% trở lên (công nghiệp tăng 16,4%; xây dựng tăng 8,2% trở lên); dịch vụ tăng 9% trở lên; thuế sản phẩm tăng 10,7% trở lên.

Với mục tiêu tăng trưởng GRDP đạt 11% trở lên, thì động lực chính tiếp tục là khu vực công nghiệp với mức đóng góp 6,0 điểm %; tiếp đến là khu vực dịch vụ 2,9 điểm %; sau đó là xây dựng 1,1 điểm %, thuế sản phẩm 0,6 điểm % và khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản 0,4 điểm %. Để đạt mục tiêu tăng trưởng, cần tập trung vào các khu vực như sau:

1. Khu vực công nghiệp tăng 16,4% trở lên, tương đương giá trị tăng thêm (VA) năm 2026 (theo giá so sánh 2010) đạt 70.829 tỷ đồng, tăng 9.959 tỷ đồng so với năm 2025; động lực tăng trưởng tập trung vào các sản phẩm, nhà máy sau:

a) Nhóm sản phẩm mới, dự án mới đi vào hoạt động năm 2026, như: Nhà máy sản xuất vải Billion Union Việt Nam - GD 1 (công suất 18.000 tấn/năm); Nhà máy sản xuất lốp ô tô Radial (công suất 961 nghìn SP/năm); Nhà máy Intco Medical Việt Nam (công suất 35,862 nghìn tấn SP/năm); Nhà máy sản xuất giấy bao bì Miza Nghi Sơn - GD 2 (công suất 290 nghìn tấn SP/năm); Nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông cốt thép công nghệ cao Đại Dương (công suất 96,5 nghìn m³/năm); Nhà máy cơ khí công nghệ cao Nghi Sơn - GD 2 (công suất 20 nghìn tấn SP/năm); Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam (công suất 5 triệu SP/năm); Dự án số 1 - Tổ hợp hóa chất Đức Giang Nghi Sơn (công suất 136 nghìn tấn SP/năm); Nhà máy công nghệ vật liệu Kim Torch Việt Nam (công suất 9,8 triệu SP/năm); Nhà máy ứng dụng công nghệ cao sản xuất sản phẩm tre luồng và gỗ biến tính (công suất 330 nghìn SP/năm); Nhà máy sản xuất đồ chơi trẻ em (8 triệu SP/năm); các sản phẩm mới khác của các dự án thứ cấp thu hút trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện có, như: linh kiện điện tử, thiết bị y tế, tái chế nhựa PET...

b) Nhóm các nhà máy, sản phẩm công nghiệp chủ yếu hiện có gia tăng sản xuất so với năm 2025: Cùng với Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, các nhà máy sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ yếu hiện có của tỉnh như: may mặc, giày da, xi măng, thép, điện năng... tiếp tục duy trì sản xuất ổn định và tối đa công suất, đồng thời có thêm các nhà máy mới hoàn thành đi vào hoạt động năm 2026; cụ thể:

- Sản xuất của Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn ổn định trong năm 2026, dự kiến hoạt động với 98-100% công suất trở lên, phần đầu sản lượng năm 2026 tăng thêm 288 nghìn tấn sản phẩm các loại (xăng; dầu diesel; sáp parafin; benzen; lưu huỳnh rắn...) so với năm 2025.

- Sản phẩm may mặc: Nhà máy dệt may của nhà đầu tư Nan Cheung Knitting Factory Limited tại CCN Thái - Thắng (công suất 5 triệu SP may mặc/năm; 6 triệu SP dệt len/năm) hoàn thành đi vào hoạt động năm 2026; cùng với các nhà máy hiện có hoạt động ổn định và tối đa công suất¹, phần đầu sản lượng năm 2026 tăng thêm 20 triệu SP so với năm 2025.

- Sản xuất giấy da: Các nhà máy mới hoàn thành đi vào hoạt động năm 2026, như: Nhà máy sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu Ngọc Lặc (công suất 8,4 triệu SP/năm); Nhà máy giấy Bá Thước (công suất 4,8 triệu SP/năm); Nhà máy giấy Thạch Định (công suất 5 triệu SP/năm); Nhà máy giấy Kim Doanh (công suất 9,8 triệu SP/năm); Nhà máy sản xuất gia công giấy dếp xuất khẩu của Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam (công suất 20 triệu SP/năm)...; cùng với các nhà máy hiện có hoạt động ổn định và tối đa công suất², phần đầu sản lượng năm 2026 tăng thêm 40 triệu SP so với năm 2025.

- Sản xuất xi măng: Dây chuyền 4 - Nhà máy xi măng Long Sơn (công suất 2,3 triệu tấn xi măng/năm) đi vào hoạt động trong năm 2026; cùng với Dây chuyền 3 - Nhà máy xi măng Long Sơn, các nhà máy hiện có hoạt động ổn định và tối đa công suất³, phần đầu sản lượng năm 2026 tăng thêm 3 triệu tấn SP so với năm 2025.

- Sản xuất thép: Nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn 2 (phần dây chuyền cán 3 với công suất 1,6 triệu tấn SP/năm) hoàn thành đi vào hoạt động năm 2026; cùng với các nhà máy hiện có hoạt động ổn định và tối đa công suất⁴, phần đầu sản lượng năm 2026 tăng thêm 1,5 triệu tấn SP so với năm 2025.

- Sản xuất điện năng: Các nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn I, Nhà máy nhiệt điện BOT Nghi Sơn 2, các nhà máy thủy điện và các nhà máy điện mặt trời hiện có hoạt động ổn định và tối đa công suất, phần đầu năm 2026 sản lượng điện tăng thêm 2 tỷ KWh so với năm 2025.

c) Nhóm các sản phẩm công nghiệp truyền thống và tiểu thủ công nghiệp: Các sản phẩm công nghiệp truyền thống và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh duy trì ổn định tăng bình quân khoảng 8 - 10%/năm.

2. Khu vực xây dựng tăng 8,2% trở lên, tương đương giá trị tăng thêm (VA) năm 2026 đạt 24.866 tỷ đồng, tăng 1.889 tỷ đồng so với năm 2025. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng, trọng tâm cần thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp ngay từ những ngày đầu, tháng đầu năm 2026 để giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công trước ngày 31/12/2026. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng

¹ Như: Công ty TNHH Sakurai, Công ty Ivory Triệu Sơn, Công ty Hoa Việt...

² Như: Công ty TNHH giấy Annora Nghi Sơn; Công ty giấy Roll Sports; Công ty giấy Venus Hà Trung; Công ty giấy Suniade; Công ty TNHH giấy Aleron Việt Nam; Công ty giấy Alena Yên Định...

³ Như: Nhà máy xi măng Đại Dương 2; Nhà máy xi măng Bim Sơn; Nhà máy xi măng Nghi Sơn...

⁴ Như: Công ty CP Tập đoàn VAS Nghi Sơn.

mắc cho các chủ đầu tư, nhà đầu tư sớm hoàn thiện thủ tục để khởi công các dự án năm 2026⁵ và đẩy nhanh tiến độ thực hiện để sớm hoàn thành các dự án chuyển tiếp⁶.

Bên cạnh đó, phát triển các doanh nghiệp xây dựng có đủ năng lực thực hiện các dự án quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp; phát triển các loại vật liệu xây dựng mới để bù đắp, khắc phục tình trạng khan hiếm vật liệu xây dựng; tăng cường quản lý thị trường bất động sản, đảm bảo lành mạnh, đúng định hướng; phân đầu năm 2026 xây dựng mới thêm 900 căn nhà ở xã hội.

3. Khu vực dịch vụ tăng 9% trở lên, tương đương giá trị tăng thêm (VA) năm 2026 đạt 59.539 tỷ đồng, tăng 4.914 tỷ đồng so với năm 2025; trong đó, cần tập trung vào các hoạt động thương mại, du lịch và xuất khẩu, nhập khẩu, cụ thể:

a) Hoạt động thương mại: Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tái cấu trúc hệ thống phân phối và nâng cao chất lượng dịch vụ dịch vụ tiêu dùng; phát triển thương mại điện tử gắn với tăng cường quản lý nhà nước; tận dụng tối đa các khu, bến cảng thuộc Cảng Nghi Sơn - KKT Nghi Sơn dự kiến hoàn thành năm 2026, như: Cảng tổng hợp Long Sơn (bến 10); Cảng container Long Sơn; Cảng tổng hợp Quang Trung... để phát triển dịch vụ cảng biển, vận tải biển, logistics; phân đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2026 tăng 8% trở lên so với năm 2025; doanh thu vận tải tăng 4% trở lên.

b) Hoạt động du lịch: Tập trung phát triển 03 loại hình du lịch (gồm: du lịch biển, du lịch sinh thái cộng đồng và du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử); phát huy tối đa các khu, điểm du lịch hiện có và các khu du lịch mới, như: Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên, Trung tâm thương mại phường Quảng Thành, Quần thể khu du lịch Am Tiên...; phân đầu tổng thu du lịch năm

⁵ Như: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoàng Thanh - Sầm Sơn và đoạn Tiên Trang - Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (TMĐT 3.339,9 tỷ đồng); Tuyến đường vành đai 3 nhánh Đông đoạn từ huyện Hoàng Hóa đến huyện Quảng Xương (TMĐT 3.210 tỷ đồng); Đường giao thông nối thành phố Thanh Hóa với các huyện Ngọc Lặc và các huyện phía Tây (TMĐT 3.180 tỷ đồng); Đường giao thông kết nối liên vùng từ đường Hồ Chí Minh, tỉnh Thanh Hóa đến Quốc lộ 6 và đường cao tốc CT.03, đoạn qua địa phận tỉnh Thanh Hóa (TMĐT 3.200 tỷ đồng); Nhà máy may Sakurai Việt Nam 2 của Công ty TNHH SAKURAI Việt Nam (TMĐT 884 tỷ đồng); Thành phố Giáo dục Quốc tế Thanh Hóa (TMĐT 2.500 tỷ đồng); Nhà máy sản xuất phân bón supe lân và NPK lô CN-03 KCN Đồng Vàng, KKT Nghi Sơn (TMĐT 300 tỷ đồng); Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép Minh Danh Nghi Sơn tại lô CN3 và lô CN2-2 Khu công nghiệp số 1 - KKT Nghi Sơn (TMĐT 910 tỷ đồng); Nhà máy sản xuất công nghệ xanh Bim Sơn tại lô CN2, khu B - Khu công nghiệp Bim Sơn (TMĐT 228 tỷ đồng); Nhà máy sản xuất giấy Kim An tại xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn (199 tỷ đồng)...

⁶ Như: Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47 (TMĐT 921 tỷ đồng); Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân (TMĐT 1.837 tỷ đồng); Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nò Hèn đến đường tỉnh 514 (1.502 tỷ đồng); Nâng cấp, mở rộng Đại lộ Lê Lợi, đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến cầu Đồng, thành phố Thanh Hóa; Thung lũng gốm sứ ASEAN Việt Nam (TMĐT 5.139 tỷ đồng); Trung tâm Thương mại Aeon Mall (4.157 tỷ đồng); Dự án khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương (TMĐT 6.849 tỷ đồng); Khu du lịch sinh thái Tân Dân (TMĐT 11.096 tỷ đồng); Khu đô thị mới tại xã Hoằng Quang và Hoằng Long, thành phố Thanh Hóa (TMĐT 12.891 tỷ đồng); Khu đô thị sinh thái 2 bên bờ sông Đơ, thành phố Sầm Sơn (TMĐT 1.345 tỷ đồng); Khu đô thị Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa (TMĐT 1.204 tỷ đồng); Khu đô thị nghỉ dưỡng và công viên vui chơi giải trí Nam Sông Mã (TMĐT 6.156 tỷ đồng); Khu đô thị Tây Nam đại lộ Nam sông Mã 1, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa (TMĐT 3.603 tỷ đồng)...

2026 tăng 8,5% trở lên so với năm 2025; giá trị tăng thêm (VA) của dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 13,3%.

c) Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa: Đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các sản phẩm chế biến sâu; tiếp tục củng cố, nâng cao thị phần các thị trường truyền thống, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do để mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu; nâng cao sản lượng, chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn của các mặt hàng xuất khẩu chính ngạch chủ lực của tỉnh; phấn đấu giá trị xuất khẩu năm 2026 tăng 16,4% trở lên so với năm 2025, giá trị nhập khẩu tăng 9,5%.

4. Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,5% trở lên, tương đương giá trị tăng thêm (VA) năm 2026 đạt 20.699 tỷ đồng, tăng 701 tỷ đồng so với năm 2025. Để đạt mục tiêu tăng trưởng, cần tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc sớm đưa các dự án quy mô lớn đi vào hoạt động và có sản phẩm năm 2026, như: Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện 2 (quy mô 82,3 nghìn con lợn các loại); Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện 3 (quy mô 86,6 nghìn con lợn các loại); Khu trang trại sản xuất, kinh doanh giống lợn và chăn nuôi lợn thương phẩm chất lượng cao New Hope Đồng Thịnh (quy mô 186,75 nghìn con lợn các loại); Trang trại chăn nuôi lợn thịt Cẩm Phú (quy mô 20 nghìn lợn thịt/năm); Trang trại chăn nuôi gà giống Xuân Phú (quy mô 60 nghìn con gà bố mẹ); Trang trại chăn nuôi gà quy mô lớn (quy mô 59 nghìn gà thịt/lứa); Trang trại nông nghiệp công nghệ cao - Trại gà thịt 4A xã Mậu Lâm (quy mô 3 triệu gà thịt/năm)...

Đẩy mạnh cơ cấu lại sản phẩm cây trồng, vật nuôi chủ lực phù hợp với lợi thế của từng vùng và địa phương; mở rộng mô hình sản xuất, tiêu thụ nông sản sạch theo tiêu chuẩn VietGAP, nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP; phấn đấu tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn thêm 10.000 ha đất nông nghiệp, trong đó diện tích ứng dụng công nghệ cao thêm 2.000 ha trở lên; tăng năng suất cây trồng để tổng sản lượng lương thực có hạt tăng 6% trở lên so với năm 2025. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối các sản phẩm chủ lực của tỉnh với các đơn vị tiêu thụ trên cả nước. Chủ động phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.

5. Thuế sản phẩm tăng 10,7% trở lên, tương đương giá trị tăng thêm (VA) năm 2026 đạt 11.171 tỷ đồng, tăng 1.084 tỷ đồng so với năm 2025. Để đạt mục tiêu tăng trưởng cần tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để các nhà máy, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định, nhất là nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn; cùng với đó, tăng cường các tuyến vận tải quốc tế bằng container tại Cảng Nghi Sơn để thúc đẩy các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh xuất, nhập khẩu hàng hóa qua cảng... làm tăng thêm nguồn thu thuế cho tỉnh.

II. GIAO NHIỆM VỤ CHO CÁC NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ

Dự báo tình hình thế giới, khu vực năm 2026 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, ảnh hưởng rất lớn đến việc hoàn thành mục tiêu tăng trưởng đã đề ra; do đó, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường tập trung tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh đề ra; đồng thời, thực hiện hiệu quả các nhóm nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất kinh doanh phát triển; đẩy nhanh tiến độ, sớm đưa các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh đi vào hoạt động và có sản phẩm năm 2026

a) Các sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đưa các dự án sản xuất kinh doanh đã đầu tư hoàn thành, dự kiến hoàn thành đi vào hoạt động và có sản phẩm năm 2026.

(Chi tiết các dự án có Biểu số 1 kèm theo)

b) Sở Công Thương xác định cụ thể các sản phẩm công nghiệp có đóng góp lớn vào tăng trưởng của tỉnh để thường xuyên kiểm tra, nắm chắc tình hình hoạt động của doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn đẩy mạnh sản xuất, phát huy tối đa công suất hiện có, tiêu thụ sản phẩm để bù đắp phần thiếu hụt giá trị sản xuất công nghiệp cho các sản phẩm có sản lượng giảm. Tập trung hướng dẫn, đôn đốc nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, nhất là các CCN dự kiến hoàn thành năm 2026 để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp, như: CCN Thọ Minh, CCN làng nghề Tiến Lộc, CCN Thượng Ninh, CCN phía Đông Bắc, CCN Thọ Nguyên, CCN Hợp Thắng, CCN Tư Sy, CCN Hậu Hiền, CCN Vạn Hà 2, CCN Ngọc Vũ, CCN Tam Linh, CCN Liên Hoa.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp phối hợp với các đơn vị liên quan để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN phát huy hết công suất, sản lượng và tiêu thụ sản phẩm, nhất là nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn, nhà máy xi măng Nghi Sơn, nhà máy xi măng Đại Dương... Hướng dẫn, đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, như: KCN WHA Smart Technology, KCN WHA Smart Technology 2, KCN Thăng Long Thanh Hóa...; kiên quyết đề xuất thu hồi các dự án chậm tiến độ kéo dài, dành quỹ đất cho các nhà đầu tư có năng lực triển khai dự án.

(Chi tiết các sản phẩm chủ lực cần tạo điều kiện gia tăng sản lượng để phấn đấu hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra có Biểu số 2 kèm theo)

d) Các sở: Công Thương, Xây dựng; Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn Nghi Sơn và các khu công nghiệp phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư của các dự án để sớm khởi công trong năm 2026⁷.

⁷ Như: Nhà máy may Sakurai Việt Nam 2 của Công ty TNHH SAKURAI Việt Nam (TMĐT 884 tỷ đồng); Thành phố Giáo dục Quốc tế Thanh Hóa (TMĐT 2.500 tỷ đồng); Nhà máy sản xuất phân bón supe lân và NPK lô CN-03 KCN Đồng Vàng, KKT Nghi Sơn (TMĐT 300 tỷ đồng); Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép Minh Danh Nghi Sơn tại lô CN3 và lô CN2-2 Khu công nghiệp số 1 - KKT Nghi Sơn (TMĐT 910 tỷ đồng); Nhà

2. Thúc đẩy các ngành, lĩnh vực dịch vụ phát triển, trọng tâm là du lịch; mở rộng thị trường tiêu dùng, đẩy mạnh xuất khẩu, làm “đòn bẩy” để doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh

a) Sở Công Thương tổ chức hiệu quả các hoạt động kết nối cung - cầu hàng hóa. Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp thúc đẩy thương mại điện tử để mở rộng thị trường tiêu thụ; đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng thông qua các chương trình khuyến mãi, hội chợ, lễ hội mua sắm; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm thế mạnh của tỉnh; thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí sản xuất, giảm giá hàng hóa, tăng khả năng kích cầu.

b) Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN, Sở Công Thương, Chi cục Hải quan khu vực X và các đơn vị liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh, chuyển đổi sản xuất để đáp ứng tiêu chuẩn mới, tiêu chuẩn xanh; cải tiến quy trình, tạo thuận lợi cho thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa; giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với các doanh nghiệp, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh, phần đầu đạt và vượt kế hoạch đề ra.

(Chi tiết các doanh nghiệp và sản phẩm xuất khẩu cần phần đầu hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2026 đề ra có Biểu số 3 kèm theo)

c) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các địa phương đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch; tổ chức thành công 100 sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch nổi bật năm 2026; tái cơ cấu các sản phẩm du lịch, trong đó phát triển thêm các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe, du lịch khám phá biển đảo, hội nghị, hội thảo, sân golf..., để Thanh Hóa tiếp tục nằm trong nhóm địa phương dẫn đầu của nước về thu hút khách du lịch.

d) Sở Xây dựng hướng dẫn, phối hợp với các địa phương và các đơn vị liên quan tiếp tục nâng cao chất lượng các loại hình vận tải, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của Nhân dân, nhất là trong mùa du lịch hè năm 2026. Tạo điều kiện thuận lợi để Cảng hàng không Thọ Xuân hoạt động ổn định, tăng tần suất các chuyến bay, phục vụ tốt nhu cầu của người dân và khách du lịch.

3. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 tạo động lực cho tăng trưởng

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút vốn đầu tư trực tiếp trong nước và nước ngoài có chọn lọc. Tiếp tục tháo gỡ các “điểm nghẽn”, trọng tâm là về tiếp cận đất đai, giải phóng mặt bằng, khan hiếm vật liệu xây dựng... để tạo điều kiện cho nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

- Tập trung rà soát, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tháo gỡ, xử lý, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án còn vướng mắc, tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh; phân đầu hoàn thành giải quyết dứt điểm trong năm 2026.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, bố trí vốn tập trung, không phân tán, dàn trải, không để thất thoát, lãng phí; khắc phục các tồn tại, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2026; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các cá nhân, đơn vị cố tình gây khó khăn, cản trở, thiếu trách nhiệm làm chậm tiến độ giao vốn, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; phân đầu giải ngân 100% kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2026.

- Khẩn trương thực hiện các nội dung tại Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh để sớm hoàn thành sắp xếp các Ban QLDA đầu tư xây dựng theo Kết luận số 83-KL/TU ngày 29/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, UBND xã Yên Định, UBND xã Định Tân trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương thực hiện lập, trình phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư, làm cơ sở giao vốn để khởi công mới các dự án trong năm 2026⁸.

c) Sở Tài chính rà soát, hoàn chỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; trong đó, ưu tiên bố trí vốn để đầu tư hoàn thành các dự án đầu tư công dở dang, tránh lãng phí, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Tiếp tục phát triển toàn diện nông, lâm, thủy sản để đảm bảo tăng trưởng ổn định, vượt kế hoạch đề ra

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Tăng cường tham mưu các giải pháp để xúc tiến đầu tư vào nông nghiệp, liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm nông nghiệp, tạo đầu ra ổn định cho các hộ nông dân; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất nông nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử để quảng bá sản phẩm.

b) UBND các xã, phường tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn. Đồng hành cùng doanh nghiệp, hợp tác xã, bà con nông dân trong phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP; đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp xây dựng các nhà máy chế biến nông sản hiện đại, chế biến sâu, tạo chuỗi liên kết.

⁸ Đối với các dự án: Đường giao thông từ xã Thanh Quân đi xã Thanh Phong (vùng CT 229); Đầu tư tuyến đường nối Quốc lộ 45 xã Yên Định đi tỉnh lộ 506C và 516B xã Yên Ninh; Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Yên Hoành đến đường tỉnh 516D, xã Định Tân; Xây dựng 05 trụ sở Công an xã biên giới thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa năm 2025; Doanh trại công an tỉnh Thanh Hóa; Nhà khách Sầm Sơn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Cải tạo, nâng cấp nhà khách đối ngoại Biên phòng và nhà Sở chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Sửa chữa, cải tạo Doanh trại và mua sắm trang thiết bị Tiểu đoàn huấn luyện - Cơ động Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng.

Biểu số 1:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH ĐÃ HOÀN THÀNH, DỰ KIẾN HOÀN THÀNH
ĐƯA VÀO HOẠT ĐỘNG VÀ CÓ SẢN PHẨM NĂM 2026 ĐỂ ĐÓNG GÓP VÀO MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG
(Kèm theo Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô/công suất	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Đơn vị giao theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc	Ghi chú
I	Lĩnh vực công nghiệp					
1	Nhà máy sản xuất vải Billion Union Việt Nam - Giai đoạn 1	KKT Nghi Sơn	Khoảng 60 tấn/ngày, tương đương 18.000 tấn/năm; trong đó: giai đoạn 1: 20 tấn/ngày; giai đoạn 2: 20 tấn/ngày; giai đoạn 3: 20 tấn/ngày	1.609	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất giai đoạn 1 tháng 6/2026
2	Nhà máy dệt may của nhà đầu tư Nan Cheung Knitting Factory Limited	Tại CCN Thái - Thắng	5 triệu sản phẩm may mặc/năm; 6 triệu sản phẩm dệt len/năm	1.091	Sở Công Thương	Đã hoàn thành xây dựng và đi vào sản xuất Quý IV/2025
3	Nhà máy Oceanus Outwear Bim Sơn - Giai đoạn 2	KCN Bim Sơn	Sản xuất băng vải, áo phao, các sản phẩm dệt, dệt kim khoảng 80.000 sản phẩm/năm	89	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Giai đoạn 2 dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 6/2026
4	Nhà máy phụ liệu Happy Star	KCN Bim Sơn	1.400 tấn sản phẩm/năm và 18.000.000 sản phẩm/năm (trong đó: Dây thun, dây rút quần áo: 900 tấn/năm; Tem móc quần áo: 32 tấn/năm; Bao bì thùng carton: 468 tấn/năm; In lên quần áo: 18 triệu sản phẩm/năm)	190	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Đã hoàn thành xây dựng trong năm 2025; đưa vào hoạt động và có sản phẩm tháng 3/2026
5	Nhà máy sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu Ngọc Lạc	Xã Thạch Lập	8,4 triệu sản phẩm/năm	291	Sở Công Thương	Đã hoàn thành xây dựng giai đoạn 1 trong Quý IV/2025; dự kiến đưa vào hoạt động và có sản phẩm tháng 02/2026

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô/công suất	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Đơn vị giao theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc	Ghi chú
6	Nhà máy giấy Bá Thước	Xã Bá Thước	4,8 triệu sản phẩm/năm	533	Sở Công Thương	Dự kiến hoàn thành, đưa vào hoạt động và có sản phẩm tháng 6/2026
7	Nhà máy giấy Thạch Định	Xã Kim Tân	5 triệu sản phẩm/năm	359	Sở Công Thương	Đã hoàn thành xây dựng trong Quý IV/2025; dự kiến đưa vào hoạt động và có sản phẩm giai đoạn 1 tháng 02/2026
8	Nhà máy giấy Kim Doanh	Xã Nông Cống	9,8 triệu sản phẩm/năm	718	Sở Công Thương	Đã hoàn thành xây dựng trong Quý IV/2025; dự kiến đưa vào hoạt động và có sản phẩm giai đoạn 1 tháng 02/2026
9	Nhà máy công nghệ vật liệu Kim Torch Việt Nam	CCN Ngọc Vũ	9,8 triệu sản phẩm/năm (sản xuất và kinh doanh vật liệu giày các loại; ủng, giày cao su và đế, các bộ phận khác của giày dép bằng cao su)	392	Sở Công Thương	Dự kiến hoàn thành, đưa vào hoạt động và có sản phẩm tháng 11/2026
10	Nhà máy sản xuất, gia công nguyên phụ liệu ngành giấy	Lô CN 04-1 CCN Quán Lào	7.200.000 đôi sản phẩm/năm, 10 triệu đôi sản phẩm đế EVA/ năm.	981	Sở Công Thương	Dự kiến hoàn thành, đưa vào hoạt động và có sản phẩm tháng 9/2026
11	Dự án số 1, Tổ hợp hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	KKT Nghi Sơn	Công suất thiết kế: 136.000 tấn hóa chất/năm	2.400	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 6/2026
12	Nhà máy sản xuất dụng cụ thể thao Outdoor Gear Việt Nam	Xã Ba Đình	5 triệu sản phẩm/năm	869	Sở Công Thương	Dự kiến hoàn thành, đưa vào hoạt động và có sản phẩm tháng 12/2026
13	Sản xuất, gia công vật tư hỗ trợ ngành giấy của Công ty TNHH Hong Yang Việt Nam	Tại CCN Bắc Hoàng Hóa	800.000 sản phẩm/năm	47	Sở Công Thương	Đã hoàn thành xây dựng và đi vào sản xuất Quý IV/2025

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô/công suất	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Đơn vị giao theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc	Ghi chú
14	Dây chuyền 4 - Nhà máy xi măng Long Sơn	Phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn	2,3 triệu tấn xi măng/năm	7.700	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Hoàn thành và đi vào hoạt động tháng 01/2026
15	Nhà máy cơ khí công nghệ cao Nghi Sơn - Giai đoạn 2	KKT Nghi Sơn	20.000 tấn sản phẩm/năm	502	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Giai đoạn 1 đã hoàn thành năm 2025; giai đoạn 2 dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 01/2026
16	Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép Minh Danh Nghi Sơn	KKT Nghi Sơn	- Thiết bị không chịu áp: Ống dẫn khí đầu vào: 50 tấn/tháng; Thân vỏ lò: 550 tấn/tháng; Ống dẫn khí đầu ra: 120 tấn/tháng; Ống khói: 80 tấn/tháng; Sàn thao tác, thang: 150 tấn/tháng; Khung Module: 4.800 tấn/tháng; Chế tạo ống trao đổi nhiệt có cánh: 3,200 ống/tháng; Chế tạo dàn ống trao đổi nhiệt: 40 dàn/tháng; Tổ hợp Module dàn trao đổi nhiệt: 6 module/tháng; Ống thép carbon: 300 tấn/tháng; Ống thép không gỉ và thép hợp kim: 100 tấn/tháng. - Kết cấu thép: Kết cấu thép nhà máy: 500 tấn/tháng; Kết cấu thép cho Module: 500 tấn/tháng	910	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 6/2026
17	Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép công nghệ cao Đại Dương	Tại xã Tân Trường và xã Tùng Lâm, thị xã Nghi Sơn	- Cọc bê tông 12.300 m3/năm. - Cọc ván dự ứng lực 23.900m3/năm. - Cống bê tông thường 2 x 35.300 m3/năm. - Cấu kiện bê tông 25.000 m3/năm	1.099	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Đã hoàn thành xây dựng trong năm 2025; đưa vào hoạt động tháng 01/2026

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô/công suất	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Đơn vị giao theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc	Ghi chú
18	Nhà máy sản xuất lốp ô tô Radial	Khu B - KCN Bim Sơn	960.960 sản phẩm/năm	1.493	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Đã hoàn thành xây dựng trong năm 2025; đưa vào hoạt động và có sản phẩm tháng 01/2026
19	Nhà máy sản xuất SQ Toys Vina	CCN Bắc Hoàng Hóa	Sản xuất thú nhồi bông: 12 triệu sản phẩm/năm	242	Sở Công Thương	Đã hoàn thành xây dựng và đi vào sản xuất Quý IV/2025
20	Nhà máy sản xuất đồ chơi trẻ em	CCN Tượng Lĩnh	Sản xuất đồ chơi trẻ em: 8 triệu sản phẩm/năm	200	Sở Công Thương	Dự kiến hoàn thành, đưa vào hoạt động và có sản phẩm tháng 3/2026
21	Nhà máy gia công sản xuất giày dép xuất khẩu	Cụm Công nghiệp Thiệu Hóa	Sản xuất, gia công giày dép xuất khẩu	972	Sở Công Thương	Đã hoàn thành xây dựng và đi vào sản xuất Quý IV/2025
22	Nhà máy sản xuất gia công giày dép xuất khẩu	Lô CN 04-2 CCN Quán Lào	20.000.000 đôi sản phẩm/năm	934	Sở Công Thương	Dự kiến hoàn thành, đưa vào hoạt động và có sản phẩm tháng 12/2026
23	Nhà máy sản xuất gia công giày dép xuất khẩu	Lô CN 01 CCN Quán Lào	100.000.000 đôi sản phẩm đế giày/năm	718	Sở Công Thương	Đã hoàn thành xây dựng và đi vào sản xuất Quý IV/2025
24	Nhà máy Intco Medical Việt Nam	Bắc Khu A - KCN Bim Sơn	Găng tay: Khoảng 30.862 tấn/năm; Túi chườm nóng/lạnh dùng một lần: Khoảng 2.250 tấn/năm ; Túi chườm nóng/lạnh: Khoảng 2.625 tấn/năm ; Miếng điện cực tim: Khoảng 125 tấn/năm	2.796	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Đã hoàn thành xây dựng trong năm 2025; đưa vào hoạt động và có sản phẩm năm 2026, sản xuất Găng tay y tế và có sản phẩm tháng 01/2026
25	Nhà máy luyện cán thép Nghi Sơn số 2 (phần dây chuyền cán 03)	KKT Nghi Sơn	Công suất dây chuyền cán 03: 1.600.000 tấn thép cán/năm	4.787	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Năm 2025 đã hoàn thành dây chuyền luyện 03; đang thi công dây chuyền cán 03, dự kiến hoàn thành và sản xuất tháng 12/2026

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô/công suất	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Đơn vị giao theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc	Ghi chú
26	Nhà máy sản xuất giấy bao bì Miza Nghi Sơn (giai đoạn 2)	Xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn	- Giấy và bột giấy: 240.000 tấn/năm. - Bột giấy từ nguyên liệu tái chế: 50.000 tấn/năm. - Hệ thống điện từ năng lượng mặt trời: 950 KWp/năm.	2.900	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 6/2026
27	Nhà máy sản xuất dây đai TEXTILE IND	KCN Bim Sơn	Giai đoạn 2: Sản xuất vali, túi xách và các sản phẩm tương tự: 100.000 sản phẩm/năm; Nhuộm sợi, vải các loại: 5.000 tấn/năm; Dịch vụ in ấn: 5.000.000 sản phẩm/năm	115	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 5/2026
28	Nhà máy Stech Vina - Giai đoạn 2	KCN Bim Sơn	- Gia công, sản xuất và lắp ráp vô lăng ô tô: Khoảng 1.500.000 sản phẩm/năm; - Gia công, sản xuất và lắp ráp ghế xe ô tô: Khoảng 240.000 sản phẩm/năm; - Gia công, sản xuất ghế Xôfa: Khoảng 160.000 sản phẩm/năm.	115	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất giai đoạn 2 tháng 12/2026
29	Trạm đăng kiểm xe cơ giới - cửa hàng xăng dầu kết hợp khu dịch vụ thương mại tổng hợp	KKT Nghi Sơn	Dịch vụ đăng kiểm, dịch vụ thương mại	46	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động tháng 6/2026
30	Cảng tổng hợp Long Sơn (bến 10)	Xã Nghi Sơn, phường Hải Thượng, xã Hải Hà	a) Đầu tư xây dựng 04 bến tổng hợp với 927 m, có khả năng tiếp nhận tàu 100.000 DWT cùng các hạng mục công trình phụ trợ sau cảng... b) Công suất thiết kế: tổng công suất hàng hóa thông qua cảng khoảng 9 triệu tấn/năm	2.300	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động tháng 9/2026
31	Cảng container Long Sơn	Khu Cảng container số 1 và Khu phát triển Logistic (lô K9A) thuộc Cảng Nghi Sơn	Đầu tư khu bến cảng container số 1, bao gồm 04 bến với diện tích 57,8 ha và khu phát triển logistic (lô K9A) với diện tích 28,8 ha	2.400	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động tháng 11/2026

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô/công suất	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Đơn vị giao theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc	Ghi chú
		- KKT Nghi Sơn				
32	Cảng tổng hợp Quang Trung	Bến số 11 thuộc khu cảng tổng hợp số 1 - cảng biển Nghi Sơn	01 bến, chiều dài 250m	450	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Hoàn thành và đi vào hoạt động tháng 01/2026
II	Lĩnh vực nông nghiệp					
1	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 2	Xã Nguyệt Ấn	300 lợn đực giống, 5.000 lợn nái sinh sản, 25.000 lợn con sau cai sữa và 52.000 lợn thịt các loại,	2.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 4/2026
2	Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 3	Xã Nguyệt Ấn	600 nái cụ kỵ, 5.000 nái, 27.000 lợn con	2.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 4/2026
3	Khu trang trại sản xuất, kinh doanh giống lợn và chăn nuôi lợn thương phẩm chất lượng cao New Hope Đồng Thịnh	Xã Thành Lộc	6.750 lợn nái, 180.000 lợn giống	466	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 5/2026
4	Trang trại chăn nuôi lợn thịt Cẩm Phú	Xã Cẩm Tân	20.000 lợn thịt/năm	28	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 2/2026
5	Trang trại chăn nuôi gà giống Xuân Phú - Giai đoạn 2	Xã Sao Vàng	60.000 con gà bố mẹ	32	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 7/2026
6	Trang trại chăn nuôi gà quy mô lớn của Công ty TNHH sản xuất và dịch vụ thương mại Nhật Minh	Xã Đồng Tiến	59.000 gà thịt/lứa	75	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất tháng 10/2026
7	Trang trại nông nghiệp công nghệ cao - Trại gà thịt 4A tại xã Mậu Lâm	Xã Mậu Lâm	3.000.000 gà thịt/năm	250	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dự kiến hoàn thành và đi vào sản xuất Quý IV/2026
III	Lĩnh vực xây dựng					
1	Lô đất NOXH-06 thuộc dự án Nhà ở xã hội thuộc Dự án số 1 trung tâm TPTH (Vìn Group)	Phường Hạc Thành	370 căn hộ	600	Sở Xây dựng	Dự kiến hoàn thành trong Quý III năm 2026

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô/công suất	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Đơn vị giao theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc	Ghi chú
2	Một phần Nhà ở xã hội thuộc Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa	Phường Hàm Rồng	530 căn hộ	830	Sở Xây dựng	Dự kiến hoàn thành khu A (gồm 02 tòa nhà) trong Quý III năm 2026
IV	Lĩnh vực du lịch					
1	Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường(Khu A) Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến	Xã Hoằng Tiến	307 công trình nghỉ dưỡng dạng liên kề; 40 căn khách sạn mini; 24 căn biệt thự nghỉ dưỡng	2.458	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Dự kiến hoàn thành 100% dự án và đi vào hoạt động phục vụ khách du lịch trong quý IV 2026

Biểu số 2:
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC CẦN TẠO ĐIỀU KIỆN GIA TĂNG SẢN LƯỢNG
ĐỂ PHẢN ĐÁU HOÀN THÀNH VÀ VƯỢT KẾ HOẠCH NĂM 2026

*(Kèm theo Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
 Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Đơn vị giao theo dõi, đôn đốc, phối hợp
1	Xi măng các loại	1.000 tấn	25.500	Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, phối hợp với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để đảm bảo các sản phẩm đạt và vượt kế hoạch đề ra
2	Đường kết tinh	1.000 tấn	75	
3	Bia các loại	1.000 lít	45.500	
4	Thuốc lá bao	1.000 bao	332.000	
5	Giày thể thao	1.000 đôi	341.000	
6	Quần áo may sẵn	1.000 cái	756.000	
7	Phân bón các loại	Tấn	205.000	
8	Gạch xây	Triệu Viên	2.600	
9	Thức ăn gia súc	Tấn	255.000	
10	Nước máy sản xuất	1.000 m ³	83.000	
11	Điện thương phẩm	Triệu Kwh	9.600	
12	Điện sản xuất	Triệu Kwh	16.600	
13	Thép	1.000 Tấn	5.350	
14	Xăng các loại	1.000 Tấn	3.700	
15	Dầu Diesel các loại	1.000 Tấn	6.500	
16	Dầu và mỡ bôi trơn	Tấn	7.850	
17	Sáp parafin	1.000 Tấn	687	
18	Benzen	1.000 Tấn	380	
19	Lưu huỳnh rắn	1.000 Tấn	465	

Biểu số 3:**CÁC DOANH NGHIỆP VÀ SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CẦN PHÂN ĐẦU
HOÀN THÀNH VÀ VƯỢT KẾ HOẠCH NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2026 (triệu USD)	Ghi chú
I	Tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	8.500	
II	Sản phẩm, doanh nghiệp xuất khẩu chủ yếu		
*	Hàng dệt may	2.135	
1	Công ty TNHH Sakurai Việt Nam	550	
2	Công ty TNHH May Mặc Xuất Khẩu Appareltech Vĩnh Lộc	110	
3	Công ty TNHH NY Hoa Việt	70	
4	Công ty TNHH May Sumec Việt Nam	50	
5	Công ty TNHH South Asia Garments Limited	80	
6	Công ty TNHH Winners Vina	70	
7	Công ty TNHH Ivory Việt Nam Thanh Hóa	40	
8	Công ty TNHH S&H Vina	180	
9	Công ty TNHH May Mặc Leading Star Thanh Hóa	40	
10	Công ty TNHH Ivory Triệu Sơn Thanh Hóa	35	
11	Công ty TNHH Một Thành Viên TCE Jeans	110	
12	Các DN sản xuất hàng dệt may khác	500	
13	Các DN sản xuất hàng dệt may dự kiến hoạt động trong năm 2026	300	
*	Giày dép xuất khẩu	4.000	
1	Công ty TNHH Giày Venus Việt Nam	350	
2	Công ty TNHH Giày Roll Sport Việt Nam	500	
3	Công ty TNHH Giày Annora Việt Nam	550	
4	Công ty TNHH Giày Alena Việt Nam	300	
5	Công ty TNHH Giày Kim Việt Việt Nam	320	
6	Công ty TNHH Giày Adiana Việt Nam	200	
7	Công ty TNHH Giày Akalia Việt Nam	260	
8	Công ty TNHH Giày Sun Jade Việt Nam	370	
9	Công ty TNHH Giày Aleron Việt Nam	250	
10	Công ty TNHH Giày Weilina Việt Nam	300	
11	Các doanh nghiệp sản xuất giày dép khác	200	
12	Các doanh nghiệp sản xuất giày dép dự kiến hoạt động trong năm 2026 (Nhà máy giày Ngọc Lặc, Bá Thước, Thạch Định, Kim Doanh,...)	400	

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2026 (triệu USD)	Ghi chú
*	<i>Vật liệu xây dựng, sắt thép và các hàng hóa khác</i>	865	
1	Công ty Xi măng Nghi Sơn	60	Xi măng
2	Công ty CP Tập đoàn VAS Nghi Sơn	100	Thép
3	Công ty TNHH Lốp Cofo Việt Nam	180	Lốp
4	Công ty CP Chế biến lâm sản Đại Dương	130	Dăm gỗ
5	Công ty TNHH THN Autoparts Việt Nam	80	Dây cáp điện
6	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	25	Giấy bì
7	Công ty TNHH Vaude Việt Nam	25	Balo, túi xách
8	Công ty TNHH TCT Greenwood Nghi Sơn	30	Gỗ ván ép
9	Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	35	Thuốc lá
10	Các DN sản xuất khác	200	
*	<i>Hạt nhựa, hóa chất</i>	1.500	
1	Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	1.300	
2	Các DN hóa chất khác	200	

Biểu số 4:
CHỈ TIÊU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
*(Kèm theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2026 (tỷ đồng)	Chủ trì thực hiện	Ghi chú
	Tổng thu ngân sách nhà nước	51.657	Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thuế tỉnh Thanh Hóa và Chi cục Hải quan khu vực X thông báo chi tiết chỉ tiêu thu NSNN cho các địa phương, đơn vị.	Dự toán thu NSNN năm 2026 cao hơn 13,55% so với năm 2025, đảm bảo tốc độ tăng thu ngân sách 7% theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh.
1	Thu nội địa	33.157	Thuế tỉnh Thanh Hóa	Bao gồm: Ghi thu tiền sử dụng đất để thanh toán chi phí GPMB, đầu tư hạ tầng đối với các dự án khai thác quỹ đất do tỉnh quản lý 500.000 triệu đồng; Thu tại xã, phường và thu khác ngân sách do xã, phường quản lý thu 205.195 triệu đồng.
2	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	18.500	Chi cục Hải quan khu vực X	

Biểu số 5:
GIAO CHỈ TIÊU THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI
VÀ THÀNH LẬP MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2026

*(Kèm theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

Số TT	Tên xã, phường	Thu nhập bình quân đầu người năm 2026 (triệu đồng)	Số doanh nghiệp thành lập mới năm 2026 (doanh nghiệp)
	TỔNG TOÀN TỈNH	71,5	3.000
1	Phường Hàm Rồng	95,7	165
2	Phường Hạc Thành	121,2	340
3	Phường Đông Tiến	76,7	130
4	Phường Nguyệt Viên	75,9	130
5	Phường Đông Sơn	77,4	150
6	Phường Đông Quang	83,3	194
7	Phường Quảng Phú	83,9	195
8	Xã Lưu Vệ	77,2	33
9	Xã Quảng Yên	73,1	15
10	Xã Quảng Chính	74,6	12
11	Xã Quảng Ngọc	72,2	10
12	Phường Nam Sầm Sơn	78,7	30
13	Phường Sầm Sơn	91,9	112
14	Xã Quảng Ninh	72,5	8
15	Xã Quảng Bình	74,1	14
16	Xã Tiên Trang	72,9	16
17	Phường Bím Sơn	80,9	46
18	Phường Quang Trung	79,9	45
19	Xã Hà Trung	69,3	16
20	Xã Hà Long	66,4	9
21	Xã Hoạt Giang	61,5	10
22	Xã Lĩnh Toại	60,7	7
23	Xã Tống Sơn	69,8	11
24	Phường Tĩnh Gia	83,8	50
25	Phường Ngọc Sơn	74,7	20
26	Xã Các Sơn	66,8	8
27	Phường Tân Dân	71,9	12
28	Phường Hải Lĩnh	69,0	12
29	Phường Đào Duy Từ	79,8	16
30	Phường Trúc Lâm	68,4	12

Số TT	Tên xã, phường	Thu nhập bình quân đầu người năm 2026 (triệu đồng)	Số doanh nghiệp thành lập mới năm 2026 (doanh nghiệp)
31	Xã Trường Lâm	70,9	20
32	Phường Hải Bình	69,7	28
33	Phường Nghi Sơn	75,6	25
34	Xã Hậu Lộc	72,5	22
35	Xã Triệu Lộc	74,3	8
36	Xã Đông Thành	63,1	6
37	Xã Hoa Lộc	76,7	15
38	Xã Vạn Lộc	70,6	14
39	Xã Nga Sơn	84,1	25
40	Xã Tân Tiến	71,6	5
41	Xã Nga Thắng	74,4	10
42	Xã Hồ Vương	78,3	8
43	Xã Nga An	74,5	6
44	Xã Ba Đình	71,3	9
45	Xã Hoằng Hóa	89,2	38
46	Xã Hoằng Giang	80,9	13
47	Xã Hoằng Phú	82,7	15
48	Xã Hoằng Sơn	82,1	13
49	Xã Hoằng Lộc	83,5	16
50	Xã Hoằng Châu	80,2	10
51	Xã Hoằng Tiến	78,8	17
52	Xã Hoằng Thanh	82,2	18
53	Xã Nông Cống	79,9	22
54	Xã Trung Chính	69,4	14
55	Xã Thắng Lợi	72,7	12
56	Xã Thắng Bình	73,8	11
57	Xã Trường Văn	74,0	10
58	Xã Tượng Lĩnh	72,8	6
59	Xã Công Chính	69,3	6
60	Xã Yên Phú	84,3	11
61	Xã Quý Lộc	86,6	12
62	Xã Yên Trường	86,3	14
63	Xã Yên Ninh	81,7	10
64	Xã Định Hòa	84,3	10
65	Xã Định Tân	82,2	10
66	Xã Yên Định	92,5	14

Số TT	Tên xã, phường	Thu nhập bình quân đầu người năm 2026 (triệu đồng)	Số doanh nghiệp thành lập mới năm 2026 (doanh nghiệp)
67	Xã Thiệu Hóa	82,2	70
68	Xã Thiệu Tiến	74,6	14
69	Xã Thiệu Quang	75,3	21
70	Xã Thiệu Toán	76,6	24
71	Xã Thiệu Trung	78,7	14
72	Xã Triệu Sơn	84,3	26
73	Xã Thọ Bình	72,2	4
74	Xã Hợp Tiến	79,3	8
75	Xã Tân Ninh	84,4	10
76	Xã Đồng Tiến	80,8	12
77	Xã Thọ Ngọc	79,0	6
78	Xã Thọ Phú	80,1	10
79	Xã An Nông	79,4	10
80	Xã Thọ Xuân	84,0	21
81	Xã Thọ Long	81,8	19
82	Xã Xuân Hòa	83,4	13
83	Xã Lam Sơn	83,7	18
84	Xã Sao Vàng	79,9	24
85	Xã Thọ Lập	79,2	12
86	Xã Xuân Tín	79,4	12
87	Xã Xuân Lập	80,0	17
88	Xã Bát Mọt	31,1	1
89	Xã Yên Nhân	31,7	1
90	Xã Vạn Xuân	53,0	1
91	Xã Lương Sơn	61,8	2
92	Xã Luận Thành	55,7	4
93	Xã Thắng Lộc	40,5	2
94	Xã Thường Xuân	63,8	15
95	Xã Xuân Chinh	29,5	2
96	Xã Tân Thành	40,7	2
97	Xã Như Xuân	62,4	5
98	Xã Xuân Bình	61,4	4
99	Xã Hóa Quỳ	59,2	4
100	Xã Thanh Phong	43,3	1
101	Xã Thanh Quân	44,0	2
102	Xã Thượng Ninh	57,1	4

Số TT	Tên xã, phường	Thu nhập bình quân đầu người năm 2026 (triệu đồng)	Số doanh nghiệp thành lập mới năm 2026 (doanh nghiệp)
103	Xã Như Thanh	71,0	19
104	Xã Xuân Du	62,8	5
105	Xã Mậu Lâm	69,3	4
106	Xã Xuân Thái	49,9	1
107	Xã Yên Thọ	63,5	8
108	Xã Thanh Kỳ	48,6	4
109	Xã Yên Khương	26,5	1
110	Xã Yên Thắng	27,7	2
111	Xã Giao An	30,0	1
112	Xã Văn Phú	32,5	1
113	Xã Linh Sơn	41,7	5
114	Xã Đồng Lương	40,1	1
115	Xã Ngọc Lặc	67,4	5
116	Xã Thạch Lập	61,7	5
117	Xã Ngọc Liên	71,8	5
118	Xã Nguyệt Ấn	58,4	5
119	Xã Kiên Thọ	62,4	5
120	Xã Minh Sơn	64,1	5
121	Xã Kim Tân	68,7	18
122	Xã Văn Du	66,2	10
123	Xã Thạch Quảng	50,7	5
124	Xã Thạch Bình	60,8	9
125	Xã Thành Vinh	53,7	9
126	Xã Ngọc Trạo	63,0	7
127	Xã Vĩnh Lộc	71,9	12
128	Xã Tây Đô	72,8	6
129	Xã Biện Thượng	77,5	12
130	Xã Bá Thước	57,7	7
131	Xã Điền Quang	41,2	2
132	Xã Điền Lư	57,7	6
133	Xã Quý Lương	42,2	2
134	Xã Pù Luông	45,2	4
135	Xã Cổ Lũng	40,0	1
136	Xã Văn Nho	39,0	3
137	Xã Thiết Ống	47,6	3
138	Xã Cẩm Thủy	72,4	10

Số TT	Tên xã, phường	Thu nhập bình quân đầu người năm 2026 (triệu đồng)	Số doanh nghiệp thành lập mới năm 2026 (doanh nghiệp)
139	Xã Cẩm Thạch	54,2	6
140	Xã Cẩm Tú	58,4	5
141	Xã Cẩm Vân	58,0	5
142	Xã Cẩm Tân	57,6	3
143	Xã Hồi Xuân	50,7	2
144	Xã Trung Thành	33,1	1
145	Xã Trung Sơn	31,9	1
146	Xã Phú Lệ	33,1	1
147	Xã Phú Xuân	36,3	1
148	Xã Hiền Kiệt	35,4	1
149	Xã Nam Xuân	34,8	1
150	Xã Thiên Phủ	36,5	1
151	Xã Trung Hạ	37,2	1
152	Xã Tam Thanh	34,5	1
153	Xã Sơn Thủy	37,5	1
154	Xã Na Mèo	38,4	1
155	Xã Quan Sơn	43,1	1
156	Xã Tam Lư	40,9	1
157	Xã Sơn Điện	39,7	1
158	Xã Mường Mìn	39,2	1
159	Xã Mường Lát	30,9	2
160	Xã Tam Chung	28,7	1
161	Xã Mường Lý	21,1	1
162	Xã Trung Lý	22,0	1
163	Xã Quang Chiêu	44,4	2
164	Xã Pù Nhi	26,9	1
165	Xã Nhi Sơn	36,1	1
166	Xã Mường Chanh	45,7	1

Biểu số 6:
GIAO CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
 Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

Số TT	Xã, phường	Sản lượng thực (tấn)	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)		Tỉ lệ che phủ rừng (%)	Tỉ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới (%)	Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)		Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (%)	Xã đạt chuẩn NTM (xã)*	Sản phẩm OCOP
			Tổng số	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao			Tổng số	Trong đó: Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế			
	Toàn tỉnh	1.500.060	10.000	2.000	54,1	1,00	98,7	67,0	93,7	9	65
1	Phường Hạc Thành								99,00		2
2	Phường Quảng Phú	12.200	25	8		0,03			99,00		
3	Phường Đông Quang	20.500	15	3	0,50	0,04			99,00		1
4	Phường Đông Sơn	17.300	15	6	0,83	0,06			99,00		1
5	Phường Đông Tiến	23.200	23	14	4,29	0,04			99,00		
6	Phường Hàm Rồng	2.000	14	9	9,30	0,00			99,00		1
7	Phường Nguyệt Viên	6.100	20	8		0,03			99,00		2
8	Phường Sầm Sơn	1.400			4,97	0,52			95,00		1
9	Phường Nam Sầm Sơn	5.000	8	4	1,08	0,48			95,00		1
10	Phường Bim Sơn	5.300	14	2	5,40	0,35			97,00		1
11	Phường Quang Trung	1.300	10	4	7,53	0,26			97,00		
12	Phường Ngọc Sơn	8.000	37	29	6,03	0,10			94,00		
13	Phường Tân Dân	6.700	10	5	17,51	0,23			94,00		
14	Phường Hải Lĩnh	4.200	10	3	46,15	0,28			94,00		1
15	Phường Tĩnh Gia	4.800	7	1	14,24	0,11			94,00		3
16	Phường Đào Duy Từ	4.400	10	3	44,40	0,18			94,00		

Số TT	Xã, phường	Sản lượng lương thực (tấn)	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)		Tỉ lệ che phủ rừng (%)	Tỉ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới (%)	Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)		Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (%)	Xã đạt chuẩn NTM (xã)*	Sản phẩm OCOP
			Tổng số	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao			Tổng số	Trong đó: Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế			
17	Phường Hải Bình	1.500	6	0	18,60	0,29			94,00		
18	Phường Trúc Lâm	5.500	25	5	35,77	0,40			94,00		
19	Phường Nghi Sơn				6,30	0,09			94,00		
20	Xã Các Sơn	10.000	10	8	34,10	0,08	98,2	65,34	93,00		
21	Xã Trường Lâm	7.000	25	5	39,61	0,10	98,3	65,44	93,00		
22	Xã Hà Trung	7.200	23	3	24,41	0,22	99,5	70,18	95,00		
23	Xã Tống Sơn	17.600	59	22	35,32	0,50	99,3	70,08	95,00		
24	Xã Hà Long	11.200	45	30	16,20	0,68	99,3	69,78	94,00	1	
25	Xã Hoạt Giang	10.400	20	2	9,14	0,50	99,3	69,68	95,00		
26	Xã Lĩnh Toại	12.900	30	2	13,32	0,92	99,3	69,58	94,00		
27	Xã Triệu Lộc	10.600	45	21	25,60	0,52	99,4	72,50	91,00		
28	Xã Đông Thành	14.200	45	10	3,71	0,45	99,4	72,70	90,00		
29	Xã Hậu Lộc	13.000	45	10		0,55	99,5	73,20	83,23		
30	Xã Hoa Lộc	12.000	45	20	0,33	0,45	99,5	72,90	85,98		1
31	Xã Vạn Lộc	6.400	45	10	15,84	1,07	99,5	72,70	91,00		1
32	Xã Nga Sơn	5.500	55	10	2,43	0,30	99,6	71,06	94,00		1
33	Xã Nga Thắng	10.500	25	10	1,64	0,38	99,6	70,26	93,00		1
34	Xã Hồ Vương	6.500	36	15		0,12	99,6	70,06	94,00	1	
35	Xã Tân Tiến	5.000	42	10	7,71	0,52	99,6	70,16	96,00		1
36	Xã Nga An	12.500	25	10	2,40	0,20	99,6	70,36	94,00		
37	Xã Ba Đình	8.400	30	9	0,91	0,12	99,6	70,26	94,00		1

Số TT	Xã, phường	Sản lượng lương thực (tấn)	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)		Tỉ lệ che phủ rừng (%)	Tỉ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới (%)	Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)		Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (%)	Xã đạt chuẩn NTM (xã)*	Sản phẩm OCOP
			Tổng số	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao			Tổng số	Trong đó: Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế			
38	Xã Hoàng Hóa	17.900	15	3		0,08	99,5	81,96	98,00	1	
39	Xã Hoàng Tiến	7.700	15	7	17,65	0,42	99,5	81,66	98,00		1
40	Xã Hoàng Thanh	6.000	27	5	1,64	0,23	99,5	81,66	98,00		3
41	Xã Hoàng Lộc	9.400	5	1	0,19	0,13	99,5	81,66	95,07		
42	Xã Hoàng Châu	8.700	50	25	3,23	0,16	99,5	81,66	98,04		
43	Xã Hoàng Sơn	14.000	12	6	3,40	0,14	99,5	81,56	98,00		
44	Xã Hoàng Phú	8.600	22		5,11	0,16	99,5	81,56	99,03		
45	Xã Hoàng Giang	15.000	15	9	9,20	0,15	99,5	81,56	95,00		
46	Xã Lưu Vệ	15.000	35	11		0,38	99,5	73,26	96,30	1	
47	Xã Quảng Yên	14.600	70			0,36	99,4	73,26	96,00		
48	Xã Quảng Ngọc	18.000	50	20	0,44	0,45	99,4	72,96	96,00		
49	Xã Quảng Ninh	8.600	30		0,64	0,58	100,0	73,00	95,00		1
50	Xã Quảng Bình	9.900	30	14	0,64	0,40	99,4	72,96	96,00		1
51	Xã Tiên Trang	2.600			7,10	0,60	99,4	72,86	96,00		1
52	Xã Quảng Chính	7.200	50	20		0,72	99,4	73,06	96,00		1
53	Xã Nông Cống	25.900	20	3	3,20	0,25	99,2	71,62	96,00	1	1
54	Xã Thắng Lợi	18.400	18	3	14,24	0,40	99,1	71,42	96,00		
55	Xã Trung Chính	20.400	17	1	4,43	0,51	99,1	71,32	96,00		
56	Xã Trường Văn	15.200	25	5	1,77	0,21	99,1	71,22	93,00		
57	Xã Thắng Bình	18.000	25	1	5,00	0,22	99,1	71,12	95,00		
58	Xã Tượng Lĩnh	14.500	35	4	20,58	0,29	99,1	71,12	93,00		

Số TT	Xã, phường	Sản lượng lương thực (tấn)	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)		Tỉ lệ che phủ rừng (%)	Tỉ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới (%)	Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)		Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (%)	Xã đạt chuẩn NTM (xã)*	Sản phẩm OCOP
			Tổng số	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao			Tổng số	Trong đó: Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế			
59	Xã Công Chính	13.000	100	41	12,09	0,78	99,0	71,22	92,00		
60	Xã Thiệu Hóa	26.200	60	20	1,85	0,13	99,5	73,74	96,10	1	1
61	Xã Thiệu Quang	22.900	66	15	0,66	0,14	99,4	73,54	96,00		1
62	Xã Thiệu Tiến	15.000	36	15	0,67	0,15	100,0	73,44	94,00		1
63	Xã Thiệu Toán	22.100	55	38	0,60	0,10	99,4	73,54	94,00		
64	Xã Thiệu Trung	14.500	30	10		0,04	99,4	73,84	94,00		2
65	Xã Yên Định	15.500	50	20	0,10	0,09	99,4	69,36	98,00	1	
66	Xã Yên Trường	16.500	53	10	0,15	0,38	99,4	68,96	98,56		1
67	Xã Yên Phú	12.000	25	9	4,20	0,33	99,4	69,06	95,00		
68	Xã Quý Lộc	22.600	25	10	3,42	0,74	99,4	68,96	95,00		1
69	Xã Yên Ninh	18.000	35	8	0,60	0,60	99,4	60,00	95,00		
70	Xã Định Tân	23.000	60	12	1,85	0,09	99,4	68,96	95,00		1
71	Xã Định Hòa	24.000	60	14	5,83	0,29	99,4	68,86	98,00		
72	Xã Thọ Xuân	16.300	40	10		0,02	99,5	73,42	97,00	1	2
73	Xã Thọ Long	16.500	38	10		0,21	99,1	73,12	97,00		1
74	Xã Xuân Hòa	14.900	40	4		0,35	99,1	72,82	97,00		1
75	Xã Sao Vàng	16.000	50	13	23,00	0,49	99,1	73,32	97,00		2
76	Xã Lam Sơn	7.300	38	3	12,08	0,25	99,1	73,02	97,00		
77	Xã Thọ Lập	10.600	40	7	4,49	0,42	99,1	72,82	97,23		
78	Xã Xuân Tín	13.100	60	10	3,90	0,41	99,1	72,72	97,00		
79	Xã Xuân Lập	21.300	50	20		0,54	99,1	72,72	97,00		1

Số TT	Xã, phường	Sản lượng lương thực (tấn)	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)		Tỉ lệ che phủ rừng (%)	Tỉ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới (%)	Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)		Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (%)	Xã đạt chuẩn NTM (xã)*	Sản phẩm OCOP
			Tổng số	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao			Tổng số	Trong đó: Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế			
80	Xã Vĩnh Lộc	28.000	90	32	10,22	0,14	99,2	74,72	97,00		1
81	Xã Tây Đô	22.000	65	25	7,97	0,46	99,0	71,90	97,00		1
82	Xã Biện Thượng	20.000	75	22	39,76	0,23	99,0	74,22	97,00		1
83	Xã Triệu Sơn	21.000	42	24	0,85	0,23	99,5	76,08	97,20		1
84	Xã Thọ Bình	6.000	18	5	38,76	0,78	99,3	69,00	95,00		
85	Xã Thọ Ngọc	13.100	47	3	1,03	0,36	99,3	75,58	96,00		
86	Xã Thọ Phú	20.500	45	15	0,46	0,20	99,3	70,00	96,00		
87	Xã Hợp Tiến	12.700	45	9	4,38	0,59	99,3	75,58	96,26	1	1
88	Xã An Nông	16.300	37	20		0,21	99,3	75,58	96,00		
89	Xã Tân Ninh	11.300	30	20	26,55	0,36	99,3	75,68	96,00		
90	Xã Đồng Tiến	11.000	15	13		0,15	99,3	75,68	97,00		
91	Xã Mường Chanh	1.800	15		81,33	4,07	91,1	26,76	71,00		
92	Xã Quang Chiểu	3.200	19		76,23	2,19	90,7	24,26	72,00		
93	Xã Tam chung	1.360	9		78,88	19,16	90,6	24,46	70,00		
94	Xã Mường Lát	1.500	10		80,81	7,24	90,7	27,76	82,00		
95	Xã Pù Nhi	2.350	8		59,02	15,00	90,6	24,46	70,00		
96	Xã Nhi Sơn	1.800	10		54,25	8,80	90,6	24,16	70,00		
97	Xã Mường Lý	920	10		71,71	43,91	90,7	24,46	70,00		
98	Xã Trung Lý	1.200	15		87,46	29,32	90,6	24,26	70,00		
99	Xã Hồi Xuân	1.500	55	2	84,95	1,45	93,6	47,00	82,00		
100	Xã Nam Xuân	2.100	55	2	87,63	4,47	92,5	33,00	72,00		

Số TT	Xã, phường	Sản lượng lương thực (tấn)	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)		Tỉ lệ che phủ rừng (%)	Tỉ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới (%)	Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)		Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (%)	Xã đạt chuẩn NTM (xã)*	Sản phẩm OCOP
			Tổng số	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao			Tổng số	Trong đó: Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế			
101	Xã Thiên Phú	3.000	55	2	89,47	5,00	92,5	32,50	72,00		
102	Xã Hiền Kiệt	1.700	60	2	88,17	3,41	92,5	36,40	70,00		
103	Xã Phú Xuân	1.500	28	1	78,35	6,00	92,5	36,30	70,00		
104	Xã Phú Lệ	1.700	50	3	85,89	9,67	92,5	36,40	70,00		
105	Xã Trung Thành	1.200	55	2	77,93	5,03	92,5	36,30	70,55		
106	Xã Trung Sơn	1.200	26	1	82,12	5,00	92,5	36,40	70,00		
107	Xã Na Mèo	1.900	50		88,98	4,20	90,8	36,46	79,02		1
108	Xã Sơn Thủy	1.710	30		91,05	4,19	90,8	36,66	70,00		
109	Xã Sơn Điện	1.500	64		90,53	4,88	90,8	36,66	74,00		
110	Xã Mường Mìn	1.350	70		91,98	3,00	90,8	36,76	86,79		
111	Xã Tam Thanh	1.400	60		91,00	4,50	90,8	36,86	80,47		
112	Xã Tam Lư	2.300	40		92,49	5,54	90,8	39,06	88,00		
113	Xã Quan Sơn	1.700	50		88,44	4,37	91,5	52,00	88,00		
114	Xã Trung Hạ	3.000	100		80,40	6,57	90,8	36,86	81,00		1
115	Xã Linh Sơn	2.700	80	3	74,34	3,50	93,5	59,00	80,26		1
116	Xã Đồng Lương	4.400	80	3	75,80	1,04	92,8	37,46	78,00		
117	Xã Văn Phú	2.710	200	10	88,20	8,18	92,8	37,46	74,00		
118	Xã Giao An	3.500	250		83,02	5,74	92,8	37,26	78,00		
119	Xã Yên Khương	1.900	100		82,99	5,09	92,8	37,36	74,59		
120	Xã Yên Thắng	2.000	100		84,10	7,40	92,8	37,26	74,00		1
121	Xã Văn Nho	4.400	60		79,10	3,05	93,8	35,12	77,00		

Số TT	Xã, phường	Sản lượng lương thực (tấn)	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)		Tỉ lệ che phủ rừng (%)	Tỉ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới (%)	Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)		Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (%)	Xã đạt chuẩn NTM (xã)*	Sản phẩm OCOP
			Tổng số	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao			Tổng số	Trong đó: Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế			
122	Xã Thiết Ống	3.400	100	13	73,09	2,60	93,8	33,50	86,00		
123	Xã Bá Thước	4.900	35	1	65,17	1,34	94,1	61,00	93,97		
124	Xã Cổ Lũng	4.400	2		85,43	7,00	93,8	35,12	62,75		
125	Xã Pù Luông	3.600	2		74,0	6,00	93,8	35,02	95,00		1
126	Xã Điền Lư	5.500	70	15	50,10	1,42	93,8	38,32	92,00		
127	Xã Điền Quang	5.800	65	15	72,0	1,92	93,8	38,42	74,00		
128	Xã Quý Lương	4.400	90	23	64,35	5,00	93,8	48,20	73,00		
129	Xã Ngọc Lặc	8.700	100	25	52,60	1,36	96,5	67,00	73,00		
130	Xã Thạch Lập	9.600	120	36	59,00	1,35	98,0	51,90	85,00		1
131	Xã Ngọc Liên	10.900	120	44	26,55	1,51	96,2	53,98	85,00		
132	Xã Minh Sơn	9.750	190	45	29,90	1,50	96,2	53,48	85,00		
133	Xã Nguyệt Ấn	8.000	150	42	41,10	1,30	96,2	62,00	86,00		
134	Xã Kiên Thọ	8.550	138	34	22,40	1,36	96,2	53,08	85,00		
135	Xã Cẩm Thạch	18.000	130	32	47,12	0,61	97,7	43,94	79,24		
136	Xã Cẩm Thủy	8.600	90	36	35,00	1,00	99,6	69,00	90,00		1
137	Xã Cẩm Tú	14.500	150	40	45,21	0,97	97,7	44,14	92,50		1
138	Xã Cẩm Vân	12.800	100	24	34,67	0,10	97,7	44,54	81,00		
139	Xã Cẩm Tân	8.700	100	24	32,69	0,46	97,7	44,24	79,00		
140	Xã Kim Tân	17.000	40	4	13,90	0,20	97,9	65,00	90,00		
141	Xã Vân Du	4.770	70	30	44,33	0,46	97,6	52,60	85,00		
142	Xã Ngọc Trạo	7.000	190	47	45,83	0,56	97,6	52,10	84,00		

Số TT	Xã, phường	Sản lượng lương thực (tấn)	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)		Tỉ lệ che phủ rừng (%)	Tỉ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới (%)	Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)		Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (%)	Xã đạt chuẩn NTM (xã)*	Sản phẩm OCOP
			Tổng số	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao			Tổng số	Trong đó: Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế			
143	Xã Thạch Bình	19.500	174	40	18,50	1,30	97,6	51,90	81,00		
144	Xã Thành Vinh	5.900	105	20	57,00	2,06	97,6	38,00	85,00		
145	Xã Thạch Quảng	2.600	50	14	66,60	2,53	97,6	38,00	79,00		
146	Xã Như Xuân	4.000	110	30,0	59,33	1,00	99,4	63,00	96,20		
147	Xã Thượng Ninh	6.500	200	47	60,30	3,90	95,4	42,78	92,00		1
148	Xã Xuân Bình	2.500	150	47	68,82	2,09	95,4	43,08	92,41		1
149	Xã Hóa Quỳ	4.300	140	35	71,60	2,26	95,4	42,88	83,00		
150	Xã Thanh Quân	5.400	150	10	70,72	6,08	95,4	42,98	88,36		
151	Xã Thanh Phong	4.500	150	10	80,38	8,28	95,4	42,58	88,00		
152	Xã Xuân Du	8.600	25		60,69	0,99	96,9	50,38	92,00		1
153	Xã Mậu Lâm	9.900	45	15	44,62	0,60	96,9	50,78	92,56		
154	Xã Như Thanh	4.100	10		47,41	0,60	97,0	62,00	91,90		1
155	Xã Yên Thọ	9.140	200	15	38,49	0,46	96,9	50,28	87,70		
156	Xã Xuân Thái	1.600	40	4	76,90	2,93	96,9	49,48	87,88		
157	Xã Thanh Kỳ	2.750	400	50	61,05	2,20	96,9	42,00	81,00		
158	Xã Bát Mọt	1.900	53	10	93,40	16,13	95,6	39,78	81,00		
159	Xã Yên Nhân	1.200	45	25	88,34	5,50	95,6	39,88	83,00		
160	Xã Lương Sơn	3.500	92	34	61,29	2,23	95,6	40,08	92,97		2
161	Xã Thường Xuân	9.100	50	16	42,28	0,44	95,9	64,00	98,00		1
162	Xã Luận Thành	5.400	190	5	58,50	4,04	95,6	40,18	91,04		1
163	Xã Tân Thành	5.600	250	20	55,82	7,50	95,6	31,00	63,00		

Số TT	Xã, phường	Sản lượng lương thực (tấn)	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (ha)		Tỷ lệ che phủ rừng (%)	Tỷ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới (%)	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (%)	Xã đạt chuẩn NTM (xã)*	Sản phẩm OCOP
			Tổng số	Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao			Tổng số	Trong đó: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế			
164	Xã Vạn Xuân	2.600	70	6	75,00	1,74	95,6	30,00	91,00		
165	Xã Thắng Lợi	3.900	250	10	68,00	11,24	95,6	30,30	82,00		
166	Xã Xuân Chinh	3.100	200	40	83,52	21,97	95,6	39,88	91,00		

*** Ghi chú:**

- Theo Nghị quyết 02-NQ/TU của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 696/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới (NTM) gồm: có thêm 03 xã NTM, 06 xã NTM nâng cao và 02 xã NTM hiện đại.

- Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Khóa XV về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; theo đó, đến năm 2030 cả nước có khoảng 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (**không còn xã nâng cao**).

- Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐTTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; theo đó, **giao UBND tỉnh** căn cứ điều kiện thực tế, đặc thù của địa phương để **ban hành tiêu chí** cụ thể, khuyến khích thí điểm xã NTM hiện đại nếu đủ điều kiện.

- Năm 2026 là năm đầu giai đoạn, việc hoàn thiện hệ thống văn bản, hướng dẫn của trung ương và của tỉnh dự kiến đến cuối Quý II/2026 mới hoàn thành; đồng thời, xã NTM hiện đại phải đạt chuẩn NTM trước, nên khó khả thi nếu thực hiện đồng thời trong cùng năm. Do đó, trước mắt chưa triển khai xã NTM hiện đại trong năm 2026, các năm sau sẽ lựa chọn xã đủ điều kiện để thực hiện, bảo đảm đến năm 2030 đạt tỷ lệ 10% xã NTM hiện đại theo mục tiêu trung ương và của tỉnh.

Trên cơ sở đó, giao chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2026 cho các xã là 09 xã đạt chuẩn NTM, không thực hiện xã NTM nâng cao và chưa triển khai xã NTM hiện đại.

Biểu số 7:
GIAO CHỈ TIÊU GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NĂM 2026
*(Kèm theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
 Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

Số TT	Xã, phường	Số dự án	Diện tích đăng ký GPMB năm 2026 (ha)	Trong đó			
				Dự án đầu tư công		Dự án đầu tư của doanh nghiệp	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Toàn tỉnh	667	2.787,46	476	1518,04	191	1269,42
1	Xã An Nông	14	30,24	6	3,75	8	26,49
2	Xã Ba Đình	5	3,43	4	3,20	1	0,23
3	Xã Bá Thước	2	4,85	2	4,85		
4	Xã Biện Thượng	7	12,94	4	4,16	3	8,78
5	Xã Các Sơn	3	2,85	2	2,81	1	0,04
6	Xã Cẩm Vân	4	3,55	2	2,00	2	1,55
7	Xã Điền Lư	1	0,41	1	0,41		
8	Xã Định Tân	10	8,20	3	5,03	7	3,17
9	Phường Đông Quang	7	49,01	6	11,01	1	38,00
10	Xã Đông Thành	5	7,29	5	7,29		
11	Xã Đồng Tiến	1	116,00			1	116,00
12	Phường Hải Bình	4	8,25	4	8,25		
13	Phường Hàm Rồng	3	25,35	3	25,35		
14	Xã Hồ Vương	3	5,30	3	5,30		
15	Xã Hoằng Châu	2	2,56	2	2,56		
16	Xã Hoằng Hóa	6	16,30	3	8,30	3	8,00
17	Xã Hoằng Phú	18	65,24	16	64,42	2	0,82
18	Xã Hoằng Sơn	10	20,09	5	14,53	5	5,56
19	Xã Hoạt Giang	5	7,07	4	6,17	1	0,90
20	Xã Hội Xuân	4	3,33	2	1,14	2	2,19
21	Xã Lam Sơn	7	7,63	5	5,13	2	2,50
22	Xã Mường Chanh	2	2,50	2	2,50		
23	Xã Mường Lát	1	1,50	1	1,50		
24	Xã Na Mèo	3	10,70	3	10,70		
25	Xã Nga An	1	0,44	1	0,44		
26	Xã Nga Sơn	9	16,94	7	15,97	2	0,97
27	Phường Ngọc Sơn	5	10,18	3	4,78	2	5,40
28	Phường Nguyệt Viên	2	2,07	2	2,07		
29	Xã Nhi Sơn	1	1,00	1	1,00		
30	Xã Quảng Chính	1	0,65	1	0,65		

Số TT	Xã, phường	Số dự án	Diện tích đăng ký GPMB năm 2026 (ha)	Trong đó			
				Dự án đầu tư công		Dự án đầu tư của doanh nghiệp	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
31	Xã Quảng Ninh	2	0,84	1	0,47	1	0,37
32	Xã Quý Lộc	8	24,09	4	12,39	4	11,70
33	Xã Sơn Thủy	5	6,20	5	6,20		
34	Xã Tây Đô	2	3,70	2	3,70		
35	Xã Thiệu Toán	3	11,98	3	11,98		
36	Xã Thiệu Trung	2	8,05	2	8,05		
37	Xã Thọ Bình	4	12,50	4	12,50		
38	Xã Thọ Xuân	6	9,20	2	1,70	4	7,50
39	Xã Thượng Ninh	2	8,98	2	8,98		
40	Xã Trung Thành	9	12,70	6	12,67	3	0,03
41	Xã Vĩnh Lộc	3	22,91	1	1,59	2	21,32
42	Xã Xuân Chinh	2	0,80	2	0,80		
43	Xã Xuân Du	9	10,94	8	4,07	1	6,87
44	Xã Xuân Lập	4	5,30	4	5,30		
45	Xã Xuân Thái	1	1,60	1	1,60		
46	Xã Yên Khương	5	11,50	5	11,50		
47	Xã Yên Ninh	2	4,60	2	4,60		
48	Xã Yên Trường	6	10,91	3	3,57	3	7,34
49	Xã Cẩm Tú	1	1,07	1	1,07		
50	Xã Định Hòa	13	16,84	8	15,08	5	1,76
51	Xã Hậu Lộc	7	40,35	4	7,19	3	33,16
52	Xã Hoằng Giang	12	54,50	10	50,21	2	4,29
53	Xã Kim Tân	5	8,47	5	8,47		
54	Xã Minh Sơn	3	4,80	1	0,20	2	4,61
55	Xã Mường Lý	19	14,10	18	13,84	1	0,26
56	Xã Thạch Bình	1	28,80			1	28,80
57	Xã Thanh Kỳ	9	145,40	5	9,11	4	136,29
58	Xã Thiệu Quang	7	95,77	6	15,77	1	80,00
59	Xã Triệu Sơn	5	14,32	1	0,82	4	13,50
60	Phường Trúc Lâm	15	152,72	9	112,03	6	40,69
61	Xã Thiệu Tiến	3	2,10	2	2,10	1	0,004
62	Xã Thọ Lập	2	6,60	2	6,60		
63	Xã Trường Văn	3	10,14	3	10,14		
64	Xã Vạn Xuân	1	2,50			1	2,50
65	Xã Giao An	6	5,90	6	5,90		

Số TT	Xã, phường	Số dự án	Diện tích đăng ký GPMB năm 2026 (ha)	Trong đó			
				Dự án đầu tư công		Dự án đầu tư của doanh nghiệp	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
66	Xã Hoàng Lộc	1	2,68	1	2,68		
67	Xã Hoàng Thanh	6	59,55	4	7,05	2	52,50
68	Xã Hợp Tiến	3	3,42	2	3,00	1	0,42
69	Xã Lưu Vệ	3	26,58			3	26,58
70	Xã Mậu Lâm	2	3,50	1	1,00	1	2,50
71	Xã Mường Mìn	4	5,08	4	5,08		
72	Xã Ngọc Trạo	2	6,70	1	0,70	1	6,00
73	Xã Như Thanh	5	9,03	2	1,50	3	7,53
74	Xã Quảng Ngọc	7	4,52	6	4,40	1	0,12
75	Xã Sơn Điện	4	13,10	4	13,10		
76	Xã Tam Thanh	1	1,20	1	1,20		
77	Xã Tân Ninh	4	66,60	1	4,10	3	62,50
78	Xã Thanh Quân	1	1,11	1	1,11		
79	Xã Thành Vinh	1	0,80	1	0,80		
80	Xã Yên Định	16	11,27	1	5,25	15	6,02
81	Phường Đông Sơn	22	68,49	16	35,49	6	33,00
82	Xã Hoa Lộc	4	12,63	3	2,54	1	10,09
83	Phường Nam Sầm Sơn	5	8,06	3	3,40	2	4,66
84	Xã Quang Chiêu	2	4,05	2	4,05		
85	Xã Quảng Yên	4	15,30			4	15,30
86	Xã Thiết Ống	1	0,06			1	0,06
87	Xã Thiệu Hóa	4	14,17	2	13,18	2	0,99
88	Xã Thường Xuân	4	8,50	4	8,50		
89	Xã Tượng Lĩnh	4	8,60	4	8,60		
90	Phường Bim Sơn	3	35,23			3	35,23
91	Phường Đông Tiến	11	38,98	11	38,98		
92	Xã Hà Trung	5	5,70	5	5,70		
93	Phường Nghi Sơn	4	24,50	1	9,50	3	15,00
94	Phường Tân Dân	1	0,80	1	0,80		
95	Xã Thăng Bình	5	63,75	5	63,75		
96	Xã Tống Sơn	11	18,71	8	6,71	3	12,00
97	Xã Trung Lý	6	13,17	6	13,17		
98	Xã Vạn Lộc	2	12,79	1	8,03	1	4,76
99	Xã Yên Nhân	2	1,72	2	1,72		
100	Xã Yên Phú	1	2,20	1	2,20		

Số TT	Xã, phường	Số dự án	Diện tích đăng ký GPMB năm 2026 (ha)	Trong đó			
				Dự án đầu tư công		Dự án đầu tư của doanh nghiệp	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
101	Xã Thạch Quảng	2	0,98	1	0,20	1	0,78
102	Xã Xuân Bình	11	440,55	3	360,82	8	79,73
103	Xã Xuân Tín	3	7,50	3	7,50		
104	Xã Xuân Hòa	5	48,60	4	8,30	1	40,30
105	Xã Cẩm Thủy	2	1,80	2	1,80		
106	Xã Vân Du	1	5,14	1	5,14		
107	Phường Hạc Thành	7	8,61	3	0,71	4	7,90
108	Xã Hoàng Tiến	3	9,87	2	9,70	1	0,17
109	Xã Lĩnh Toại	4	4,44	4	4,44		
110	Phường Đào Duy Từ	9	53,67	6	49,89	3	3,78
111	Phường Quảng Phú	6	23,12	4	7,40	2	15,72
112	Xã Hà Long	6	9,89	4	2,89	2	7,00
113	Xã Nga Thắng	5	18,34	4	10,12	1	8,22
114	Xã Như Xuân	8	25,82	8	25,82		
115	Xã Tân Tiến	2	12,66	2	12,66		
116	Xã Sao Vàng	8	13,69	6	8,69	2	5,00
117	Xã Linh Sơn	8	8,87	7	5,87	1	3,00
118	Xã Lương Sơn	2	0,56	2	0,56		
119	Xã Thọ Phú	3	5,94	3	5,94		
120	Xã Bát Mọt	9	23,37	9	23,37		
121	Xã Văn Phú	5	10,63	5	10,63		
122	Xã Nông Công	13	27,43	12	22,67	1	4,76
123	Phường Sầm Sơn	8	10,31	8	10,31		
124	Xã Tiên Trang	7	12,74	3	1,7	4	11,04
125	Xã Ngọc Lặc	1	5,84			1	5,84
126	Xã Trung Chính	11	70,44	8	19,34	3	51,1
127	Xã Trường Lâm	14	123,68	6	15,45	8	108,23
128	Xã Thọ Ngọc	7	9,63	7	9,63		
129	Xã Thọ Long	3	3,73	3	3,73		

Biểu số 8:
GIAO CHỈ TIÊU TỶ LỆ ĐÔ THỊ HÓA NĂM 2026
*(Kèm theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
 Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

Số TT	Xã, phường	Tỷ lệ tăng dân số năm 2026 (%)	Dự kiến dân số đô thị tăng thêm năm 2026 (người)	Ghi chú
	Tổng số		60.100	Đảm bảo tỷ lệ đô thị hóa năm 2026 đạt 42%, tăng 1,45% so với năm 2025
1	Phường Hạc Thành	2,8	5.500	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
2	Phường Quảng Phú	3,5	2.750	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
3	Phường Đông Quang	2,8	1.750	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
4	Phường Đông Sơn	2,5	1.500	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
5	Phường Đông Tiến	26	15.000	Dân số tăng thêm do sáp nhập 02 xã Tân Châu (8.210 người) và Thiệu Giao (6.696 người) thuộc huyện Thiệu Hóa cũ và dân số tăng cơ học
6	Phường Hàm Rồng	2,4	1.500	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
7	Phường Nguyệt Viên	2,9	1.000	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
8	Phường Sầm Sơn	2,5	2.500	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
9	Phường Nam Sầm Sơn	20	7.500	Dân số tăng thêm do sáp nhập xã Quảng Giao (5.587 người) thuộc huyện Quảng Xương cũ và dân số tăng cơ học
10	Phường Bím Sơn	21,7	10.000	Dân số tăng thêm do sáp nhập xã Hà Vinh (8.603 người) thuộc huyện Hà Trung cũ và dân số tăng cơ học
11	Phường Quang Trung	3,0	1.000	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
12	Phường Ngọc Sơn	2,0	1.000	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
13	Phường Tân Dân	4,5	1.000	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
14	Phường Hải Lĩnh	4,3	800	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
15	Phường Tĩnh Gia	3,4	2.000	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
16	Phường Đào Duy Từ	3,0	800	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
17	Phường Hải Bình	3,0	1.000	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
18	Phường Trúc Lâm	4,2	1.000	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
19	Phường Nghi Sơn	4,5	1.500	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
20	Xã Các Sơn	2,3	500	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học
21	Xã Trường Lâm	2,3	500	Dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học

Biểu số 9:
GIAO CHỈ TIÊU CÁC TRƯỜNG HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỚI
ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA NĂM 2026

*(Kèm theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
 Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

Số TT	Xã, phường	Tên trường	Ghi chú
	Toàn tỉnh	25 trường	Đảm bảo mục tiêu tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2026 đạt 87,2%
1	Phường Hạc Thành	Trường TH, THCS&THPT Fansipan	
2	Xã Quang Chiểu	Trường Tiểu học Quang Chiểu 1	
3	Xã Hối Xuân	Trường THCS Hối Xuân	
4	Xã Cổ Lũng	Trường Mầm non Lũng Cao	
5	Xã Thiết Ống	Trường THCS Thiết Kế	
6	Xã Trung Hạ	Trường THCS Trung Tiến	
7	Xã Quan Sơn	Trường THPT Quan Sơn	
8	Xã Văn Phú	Trường Mầm non Tam Văn	
9	Xã Thạch Quảng	Trường THCS Thạch Tượng	
10	Xã Thạch Bình	Trường Mầm non Thạch Đồng	
11	Xã Thạch Bình	Trường THPT Thạch Thành 2	
12	Xã Thành Vinh	Trường Mầm non Thành Minh	
13	Xã Hà Long	Trường Mầm non Hà Bắc	
14	Xã Vĩnh Lộc	Trường THPT Vĩnh Lộc	
15	Xã Xuân Chinh	Trường Tiểu học Xuân Lẻ	
16	Phường Nguyệt Viên	Trường Mầm non TSSchool	
17	Xã Thanh Phong	Trường Tiểu học Thanh phong	
18	Xã Trung Chính	Trường THPT Nông Cống	
19	Xã Thắng Lợi	Trường THCS Trung Thành	
20	Xã Thắng Lợi	Trường THCS Tế Nông	
21	Xã Công Chính	Trường Mầm non Công Chính	
22	Phường Đông Quang	Mầm non KIZCITY	
23	Phường Sầm Sơn	Trường Tiểu học Darwin	
24	Phường Ngọc Sơn	Trường TH&THCS Triệu Dương	
25	Phường Tân Dân	Trường Mầm non Ngọc Lĩnh	

Biểu số 10:
GIAO CHỈ TIÊU TỶ LỆ LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP
TRONG TỔNG SỐ LAO ĐỘNG XÃ HỘI NĂM 2026

*(Kèm theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
 Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

Số TT	Xã, phường	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	Ghi chú
	Toàn tỉnh	27,5	
1	Phường Hạc Thành	1,2	
2	Phường Quảng Phú	16,0	
3	Phường Đông Quang	24,6	
4	Phường Đông Sơn	17,4	
5	Phường Đông Tiến	29,1	
6	Phường Hàm Rồng	4,8	
7	Phường Nguyệt Viên	8,8	
8	Phường Sầm Sơn	12,8	
9	Phường Nam Sầm Sơn	19,2	
10	Phường Bím Sơn	24,8	
11	Phường Quang Trung	21,6	
12	Phường Ngọc Sơn	20,8	
13	Phường Tân Dân	22,4	
14	Phường Hải Lĩnh	22,4	
15	Phường Tĩnh Gia	17,6	
16	Phường Đào Duy Từ	20,8	
17	Phường Hải Bình	19,2	
18	Phường Trúc Lâm	19,2	
19	Phường Nghi Sơn	19	
20	Xã Các Sơn	37,8	
21	Xã Trường Lâm	22,4	
22	Xã Hà Trung	19,4	
23	Xã Tống Sơn	29,6	
24	Xã Hà Long	29,6	
25	Xã Hoạt Giang	31,4	
26	Xã Lĩnh Toại	32,5	
27	Xã Triệu Lộc	27,2	
28	Xã Đông Thành	26,4	
29	Xã Hậu Lộc	24,0	
30	Xã Hoa Lộc	24,0	
31	Xã Vạn Lộc	24,0	

Số TT	Xã, phường	Tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	Ghi chú
32	Xã Nga Sơn	24,0	
33	Xã Nga Thắng	24,0	
34	Xã Hồ Vương	24,0	
35	Xã Tân Tiến	24,0	
36	Xã Nga An	24,0	
37	Xã Ba Đình	24,0	
38	Xã Hoằng Hóa	18,9	
39	Xã Hoằng Tiến	18,7	
40	Xã Hoằng Thanh	19,8	
41	Xã Hoằng Lộc	19,4	
42	Xã Hoằng Châu	21,1	
43	Xã Hoằng Sơn	19,2	
44	Xã Hoằng Phú	17,1	
45	Xã Hoằng Giang	21,1	
46	Xã Lưu Vệ	27,2	
47	Xã Quảng Yên	27,2	
48	Xã Quảng Ngọc	27,2	
49	Xã Quảng Ninh	27,2	
50	Xã Quảng Bình	27,2	
51	Xã Tiên Trang	27,2	
52	Xã Quảng Chính	27,2	
53	Xã Nông Cống	25,6	
54	Xã Thắng Lợi	28,0	
55	Xã Trung Chính	28,0	
56	Xã Trường Văn	30,4	
57	Xã Thắng Bình	32,0	
58	Xã Tượng Lĩnh	30,4	
59	Xã Công Chính	33,6	
60	Xã Thiệu Hóa	23,7	
61	Xã Thiệu Quang	24,0	
62	Xã Thiệu Tiến	26,2	
63	Xã Thiệu Toán	26,6	
64	Xã Thiệu Trung	27,8	
65	Xã Yên Định	22,6	
66	Xã Yên Trường	26,2	
67	Xã Yên Phú	30,9	
68	Xã Quý Lộc	28,2	

Số TT	Xã, phường	Tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	Ghi chú
69	Xã Yên Ninh	33,3	
70	Xã Định Tân	32,3	
71	Xã Định Hòa	31,7	
72	Xã Thọ Xuân	13,0	
73	Xã Thọ Long	15,7	
74	Xã Xuân Hòa	16,5	
75	Xã Sao Vàng	16,2	
76	Xã Lam Sơn	14,1	
77	Xã Thọ Lập	17,9	
78	Xã Xuân Tín	18,4	
79	Xã Xuân Lập	15,4	
80	Xã Vĩnh Lộc	27,2	
81	Xã Tây Đô	28,0	
82	Xã Biện Thượng	26,5	
83	Xã Triệu Sơn	28,5	
84	Xã Thọ Bình	41,4	
85	Xã Thọ Ngọc	34,7	
86	Xã Thọ Phú	31,7	
87	Xã Hợp Tiến	36,0	
88	Xã An Nông	33,3	
89	Xã Tân Ninh	27,7	
90	Xã Đồng Tiến	34,4	
91	Xã Mường Chanh	72,0	
92	Xã Quang Chiêu	72,0	
93	Xã Tam Chung	84,0	
94	Xã Mường Lát	66,0	
95	Xã Pù Nhi	85,5	
96	Xã Nhi Sơn	85,5	
97	Xã Mường Lý	89,6	
98	Xã Trung Lý	89,6	
99	Xã Hồi Xuân	58,8	
100	Xã Nam Xuân	63,0	
101	Xã Thiên Phú	65,2	
102	Xã Hiền Kiệt	63,0	
103	Xã Phú Xuân	64,8	
104	Xã Phú Lệ	64,9	
105	Xã Trung Thành	63,6	

Số TT	Xã, phường	Tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	Ghi chú
106	Xã Trung Sơn	63,6	
107	Xã Na Mèo	63,6	
108	Xã Sơn Thủy	66,0	
109	Xã Sơn Điện	62,4	
110	Xã Mường Mìn	62,4	
111	Xã Tam Thanh	66,0	
112	Xã Tam Lư	66,0	
113	Xã Quan Sơn	60,0	
114	Xã Trung Hạ	62,4	
115	Xã Linh Sơn	61,2	
116	Xã Đồng Lương	63,6	
117	Xã Văn Phú	54,0	
118	Xã Giao An	63,6	
119	Xã Yên Khương	66,0	
120	Xã Yên Thắng	66,0	
121	Xã Văn Nho	54,0	
122	Xã Thiết Ống	54,0	
123	Xã Bá Thước	54,0	
124	Xã Cỗ Lũng	54,0	
125	Xã Pù Luông	54,0	
126	Xã Điền Lư	54,1	
127	Xã Điền Quang	54,0	
128	Xã Quý Lương	54,0	
129	Xã Ngọc Lặc	40,6	
130	Xã Thạch Lập	51,8	
131	Xã Ngọc Liên	50,4	
132	Xã Minh Sơn	51,8	
133	Xã Nguyệt Án	50,4	
134	Xã Kiên Thọ	50,4	
135	Xã Cẩm Thạch	47,6	
136	Xã Cẩm Thủy	40,6	
137	Xã Cẩm Tú	42,0	
138	Xã Cẩm Vân	47,6	
139	Xã Cẩm Tân	47,6	
140	Xã Kim Tân	38,5	
141	Xã Vân Du	36,4	
142	Xã Ngọc Trạo	44,8	

Số TT	Xã, phường	Tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	Ghi chú
143	Xã Thạch Bình	49,0	
144	Xã Thành Vinh	46,2	
145	Xã Thạch Quảng	42,0	
146	Xã Như Xuân	52,8	
147	Xã Thượng Ninh	69,6	
148	Xã Xuân Bình	51,8	
149	Xã Hóa Quý	52,1	
150	Xã Thanh Quân	73,2	
151	Xã Thanh Phong	66,0	
152	Xã Xuân Du	39,2	
153	Xã Mậu Lâm	40,6	
154	Xã Như Thanh	35,0	
155	Xã Yên Thọ	35,0	
156	Xã Xuân Thái	37,8	
157	Xã Thanh Kỳ	42,0	
158	Xã Bát Mọt	66,0	
159	Xã Yên Nhân	66,0	
160	Xã Lương Sơn	48,0	
161	Xã Thường Xuân	42,0	
162	Xã Luận Thành	48,0	
163	Xã Tân Thành	66,0	
164	Xã Vạn Xuân	60,0	
165	Xã Thắng Lộc	66,0	
166	Xã Xuân Chinh	66,0	

Biểu số 11:
GIAO CHỈ TIÊU DÂN SỐ THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ
TRÊN TỔNG DÂN SỐ NĂM 2026

*(Kèm theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
 Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

Số TT	Xã, phường	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (%)	Ghi chú
	Toàn tỉnh	95,00	
1	Phường Hạc Thành	95,00	
2	Phường Quảng Phú	95,00	
3	Phường Đông Quang	95,00	
4	Phường Hàm Rồng	95,00	
5	Phường Nguyệt Viên	96,00	
6	Phường Đông Sơn	95,00	
7	Phường Đông Tiến	95,00	
8	Phường Sầm Sơn	95,00	
9	Phường Nam Sầm Sơn	95,00	
10	Xã Hoằng Hóa	96,00	
11	Xã Hoằng Lộc	95,50	
12	Xã Hoằng Thanh	95,00	
13	Xã Hoằng Sơn	95,00	
14	Xã Hoằng Châu	95,00	
15	Xã Hoằng Giang	95,00	
16	Xã Hoằng Tiến	95,00	
17	Xã Hoằng Phú	95,00	
18	Phường Bỉm Sơn	95,00	
19	Phường Quang Trung	95,00	
20	Xã Hà Trung	95,00	
21	Xã Lĩnh Toại	95,00	
22	Xã Hoạt Giang	95,00	
23	Xã Hà Long	95,00	
24	Xã Tống Sơn	95,00	
25	Phường Ngọc Sơn	95,00	
26	Phường Tân Dân	95,00	
27	Phường Hải Lĩnh	95,00	
28	Phường Tĩnh Gia	95,00	
29	Phường Đào Duy Từ	95,00	
30	Phường Hải Bình	95,00	
31	Phường Trúc Lâm	95,00	
32	Phường Nghi Sơn	97,00	

Số TT	Xã, phường	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (%)	Ghi chú
33	Xã Các Sơn	95,00	
34	Xã Trường Lâm	95,00	
35	Xã Hậu Lộc	95,00	
36	Xã Triệu Lộc	96,00	
37	Xã Đông Thành	95,00	
38	Xã Hoa Lộc	95,00	
39	Xã Vạn Lộc	95,00	
40	Xã Nga Sơn	95,00	
41	Xã Hồ Vương	95,00	
42	Xã Ba Đình	95,00	
43	Xã Nga An	95,00	
44	Xã Nga Thắng	95,00	
45	Xã Tân Tiến	95,00	
46	Xã Lưu Vệ	95,40	
47	Xã Quảng Ninh	95,00	
48	Xã Quảng Bình	95,10	
49	Xã Quảng Chính	95,30	
50	Xã Quảng Ngọc	95,30	
51	Xã Tiên Trang	95,00	
52	Xã Quảng Yên	95,30	
53	Xã Nông Cống	95,16	
54	Xã Thăng Bình	95,00	
55	Xã Thắng Lợi	95,25	
56	Xã Tượng Lĩnh	95,00	
57	Xã Trường Văn	95,00	
58	Xã Trung Chính	95,00	
59	Xã Công Chính	95,00	
60	Xã Triệu Sơn	95,70	
61	Xã Tân Ninh	95,70	
62	Xã An Nông	95,60	
63	Xã Đồng Tiến	95,70	
64	Xã Hợp Tiến	95,70	
65	Xã Thọ Bình	95,00	
66	Xã Thọ Ngọc	95,30	
67	Xã Thọ Phú	95,70	
68	Xã Thiệu Hóa	95,21	
69	Xã Thiệu Trung	95,62	
70	Xã Thiệu Quang	95,03	

Số TT	Xã, phường	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (%)	Ghi chú
71	Xã Thiệu Tiến	95,01	
72	Xã Thiệu Toán	95,11	
73	Xã Thọ Xuân	96,99	
74	Xã Sao Vàng	97,32	
75	Xã Lam Sơn	98,14	
76	Xã Thọ Long	97,88	
77	Xã Thọ Lập	97,85	
78	Xã Xuân Tín	97,27	
79	Xã Xuân Lập	97,41	
80	Xã Xuân Hòa	97,65	
81	Xã Thường Xuân	95,00	
82	Xã Luận Thành	95,00	
83	Xã Tân Thành	96,70	
84	Xã Xuân Chinh	95,60	
85	Xã Thắng Lộc	95,70	
86	Xã Yên Nhân	95,00	
87	Xã Vạn Xuân	95,00	
88	Xã Bát Mọt	96,50	
89	Xã Lương Sơn	95,00	
90	Xã Yên Định	95,22	
91	Xã Yên Trường	95,20	
92	Xã Yên Phú	95,00	
93	Xã Quý Lộc	95,00	
94	Xã Yên Ninh	95,00	
95	Xã Định Hòa	95,40	
96	Xã Định Tân	95,40	
97	Xã Vĩnh Lộc	95,00	
98	Xã Tây Đô	95,00	
99	Xã Biện Thượng	95,00	
100	Xã Kim Tân	95,00	
101	Xã Vân Du	95,00	
102	Xã Ngọc Trạo	95,00	
103	Xã Thạch Bình	95,00	
104	Xã Thạch Quảng	95,00	
105	Xã Thành Vinh	95,00	
106	Xã Cẩm Thủy	95,00	
107	Xã Cẩm Thạch	95,00	
108	Xã Cẩm Tân	95,00	

Số TT	Xã, phường	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (%)	Ghi chú
109	Xã Cẩm Vân	95,00	
110	Xã Cẩm Tú	95,00	
111	Xã Ngọc Lặc	95,00	
112	Xã Thạch Lập	95,00	
113	Xã Kiên Thọ	95,00	
114	Xã Minh Sơn	95,00	
115	Xã Ngọc Liên	95,00	
116	Xã Nguyệt Ấn	95,00	
117	Xã Linh Sơn	95,00	
118	Xã Đồng Lương	95,00	
119	Xã Văn Phú	96,00	
120	Xã Giao An	95,00	
121	Xã Yên Khương	98,00	
122	Xã Yên Thắng	97,00	
123	Xã Như Thanh	95,18	
124	Xã Xuân Du	95,00	
125	Xã Mậu Lâm	95,00	
126	Xã Thanh Kỳ	96,71	
127	Xã Yên Thọ	95,00	
128	Xã Xuân Thái	95,00	
129	Xã Như Xuân	95,00	
130	Xã Thanh Phong	97,89	
131	Xã Hóa Quỳ	95,00	
132	Xã Thanh Quân	97,60	
133	Xã Thượng Ninh	95,00	
134	Xã Xuân Bình	95,00	
135	Xã Bá Thước	95,00	
136	Xã Thiết Ống	95,00	
137	Xã Văn Nho	96,00	
138	Xã Cổ Lũng	96,00	
139	Xã Pù Luông	96,00	
140	Xã Điền Lư	95,00	
141	Xã Điền Quang	95,00	
142	Xã Quý Lương	96,00	
143	Xã Quan Sơn	95,00	
144	Xã Mường Mìn	95,00	
145	Xã Na Mèo	100,00	
146	Xã Sơn Điện	95,00	

Số TT	Xã, phường	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (%)	Ghi chú
147	Xã Tam Thanh	95,00	
148	Xã Tam Lư	95,00	
149	Xã Trung Hạ	95,00	
150	Xã Sơn Thủy	100,00	
151	Xã Hồi Xuân	95,00	
152	Xã Hiền Kiệt	98,00	
153	Xã Nam Xuân	95,00	
154	Xã Phú Lệ	95,00	
155	Xã Phú Xuân	95,00	
156	Xã Thiên Phú	98,00	
157	Xã Trung Sơn	98,00	
158	Xã Trung Thành	98,00	
159	Xã Mường Lát	97,00	
160	Xã Mường Chanh	96,00	
161	Xã Mường Lý	97,00	
162	Xã Nhi Sơn	97,00	
163	Xã Pù Nhi	97,00	
164	Xã Quang Chiêu	97,00	
165	Xã Tam Chung	97,00	
166	Xã Trung Lý	97,00	

Biểu số 12:
GIAO CHỈ TIÊU CÁC XÃ, PHƯỜNG ĐẠT TIÊU CHÍ
AN TOÀN THỰC PHẨM NÂNG CAO NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)

Số TT	Tên đơn vị	Ghi chú
1	Phường Hạc Thành	
2	Phường Sầm Sơn	
3	Phường Bim Sơn	
4	Xã Triệu Sơn	
5	Xã Vĩnh Lộc	
6	Xã Biện Thượng	
7	Xã Yên Định	
8	Xã Thọ Xuân	
9	Xã Nông Cống	
10	Xã Hà Trung	
11	Xã Nga Sơn	
12	Xã Hoằng Hóa	
13	Xã Lưu Vệ	
14	Xã Quảng Chính	
15	Xã Kim Tân	
16	Xã Cẩm Thủy	
17	Xã Như Thanh	
18	Xã Như Xuân	
19	Xã Bá Thước	
20	Xã Linh Sơn	
21	Xã Hôi Xuân	
22	Xã Quan Sơn	

Biểu số 13:
GIAO CHỈ TIÊU CÁC XÃ, PHƯỜNG KHÔNG MA TÚY NĂM 2026
*(Kèm theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
 Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

Số TT	Xã, phường không ma túy	Ghi chú
1	Xã Ba Đình	
2	Xã Cẩm Tân	
3	Xã Cẩm Thạch	
4	Xã Công Chính	
5	Xã Định Tân	
6	Xã Đồng Tiến	
7	Xã Hậu Lộc	
8	Xã Hóa Quỳ	
9	Xã Hoằng Lộc	
10	Xã Hoằng Phú	
11	Xã Hoằng Sơn	
12	Xã Hồ Vương	
13	Xã Minh Sơn	
14	Xã Mường Chanh	
15	Xã Na Mèo	
16	Xã Nga An	
17	Xã Ngọc Lặc	
18	Xã Ngọc Liên	
19	Xã Ngọc Trạo	
20	Xã Quan Sơn	
21	Xã Tam Lư	
22	Xã Tân Tiến	
23	Xã Tống Sơn	
24	Xã Tượng Lĩnh	
25	Xã Thạch Bình	
26	Xã Thạch Lập	
27	Xã Thanh Kỳ	
28	Xã Thành Vinh	
29	Xã Thắng Lợi	
30	Xã Thiết Ống	
31	Xã Thiệu Toán	

Số TT	Xã, phường không ma túy	Ghi chú
32	Xã Thọ Ngọc	
33	Xã Thượng Ninh	
34	Phường Trúc Lâm	
35	Xã Trường Văn	
36	Xã Xuân Lập	
37	Xã Yên Phú	
38	Xã Yên Trường	

Biểu số 14:
GIAO CHỈ TIÊU VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026
*(Kèm theo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ,
Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026)*

Số TT	Tên chỉ tiêu	Số, ban, ngành cấp tỉnh	UBND cấp xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá/tổng hợp, báo cáo	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
1	Tỷ lệ phủ sóng mạng di động băng rộng 4G/5G trên dân số		- Đối với các phường: 70% - Đối với các xã trung tâm: 50% - Khuyến khích các xã còn lại: 30%	Sở Khoa học và Công nghệ	Dân số trong vùng phủ sóng mạng di động băng rộng 4G, 5G/ Tổng dân số trên địa bàn	- Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. - Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	100%	Sở Nội vụ	100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	- Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. - Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông		80%	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Xây dựng; Bảo hiểm xã hội Khu vực VI	(Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế/ giáo dục, bảo hiểm/ giao thông)/Tổng dân số trưởng thành	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
4	Số lượng doanh nghiệp khoa học		- Các phường thuộc khu vực	Sở Khoa học và	Tổng hợp kết quả cấp Giấy	Công văn số 01-CV/BCĐTW

Số TT	Tên chỉ tiêu	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	UBND cấp xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá/tổng hợp, báo cáo	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
	và công nghệ trên địa bàn		Thành phố, thị xã cũ: 01 Doanh nghiệp - Các địa phương còn lại: Khuyến khích	Công nghệ	chứng nhận doanh nghiệp KH&CN của địa phương hàng năm theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.	ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
5	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh		- Đối với các phường: 30% - Đối với các xã trung tâm: 20% - Khuyến khích các xã còn lại: 15%	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh/Tổng số doanh nghiệp	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
6	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo		- Các xã/phường thuộc khu vực Thành phố, thị xã cũ: 02 Doanh nghiệp - Các xã trung tâm: 01 - Các xã còn lại: Khuyến khích	Sở Khoa học và Công nghệ	Thu thập dữ liệu số doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của địa phương như cuộc thi Dự án khởi nghiệp trong đoàn viên, thanh niên tỉnh Thanh Hóa do Ủy ban công tác thanh niên tỉnh tổ chức; cuộc thi Phụ nữ khởi nghiệp hoặc các cuộc thi khởi nghiệp khác của địa phương tổ chức.	- Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. - Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ mỗi năm		- Đối với các phường: 15 đơn đăng ký trở lên/năm - Đối với các xã trung tâm: 5-7 đơn đăng ký/năm - Khuyến khích các xã còn lại: 2-3 đơn đăng ký/năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Số liệu thu thập tại Trang thông tin của Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ.	- Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. - Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Số TT	Tên chỉ tiêu	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	UBND cấp xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá/tổng hợp, báo cáo	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
8	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Tỷ lệ: a/b x100, trong đó: - a: Tổng số hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa - b: Tổng số hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính - Nguồn thu thập số liệu: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Chính phủ
9	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	90%	86%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Tỷ lệ: a/b x100, trong đó: - a: Tổng số hồ sơ dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp được tiếp nhận, giải quyết. - b: Tổng số hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết của dịch vụ công cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình. - Nguồn thu thập số liệu: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
10	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	80%	80%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Tỷ lệ: a/b x100, trong đó: - a: Tổng số hồ sơ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí. - b: Tổng số hồ sơ đã thanh toán phí, lệ phí của dịch vụ công cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình - Nguồn thu thập số liệu: hệ	Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị

Số TT	Tên chỉ tiêu	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	UBND cấp xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá/tổng hợp, báo cáo	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
					thống thông tin giải quyết TTHC.	
11	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	95%	95%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Tỷ lệ: $a/b \times 100$, trong đó: - a: Số điểm hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, cung cấp DVC được công khai trên Cổng DVC quốc gia. - b: Tổng số điểm hài lòng thực hiện TTHC, cung cấp DVC được quy định (20 điểm). - Nguồn số liệu: Cổng DVC Quốc gia	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 phê duyệt chương trình phát triển Chính phủ số
12	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác		86%	UBND cấp xã/Ngân hàng Nhà nước	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác/Tổng dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn	Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
13	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số		- Đối với các phường: 70% - Đối với các xã trung tâm: 60% - Khuyến khích các xã còn lại: 50%	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số/Tổng số doanh nghiệp	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
14	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)		65%	Công an tỉnh	Tổng số công dân có tài khoản định danh điện tử/Tổng số công dân từ đủ 14 tuổi trở lên trên địa bàn	Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

Số TT	Tên chỉ tiêu	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	UBND cấp xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá/tổng hợp, báo cáo	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Ghi chú
15	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử		90%	Sở Y tế	Người dân có Sổ sức khỏe điện tử/Tổng dân số	Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
16	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số		- Đối với các phường: 40% - Đối với các xã trung tâm: 37% - Khuyến khích các xã còn lại: 35,4%	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổng số người dân trưởng thành có chữ ký số/Tổng số người dân trưởng thành trên địa bàn	Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ